

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 197 – Chúa nhật 19.05.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.congiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Tổ Chức Phẩm Trật Giáo Hội Và Đặc Biệt Về Chức Giám Mục.....	Vatican 2
TIN CHÚA LÀ: TIN, SỐNG, VÀ CHIA SẺ CHO NHAU LÒNG TỪ BI THƯƠNG XÓT CỦA CHA TRÊN TRỜI.....	HY. GB. Phạm Minh Mẫn
BÌNH AN CỦA CHÚA	Lm. JB. Nguyễn Minh Hùng
HIỂN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA	Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist
THÁI LAN: KHÓA HỌC DÀNH CHO NHỮNG NHÀ ĐÀO TẠO TRONG CÁC CHỦNG VIỆN	Phêrô Quốc Dũng
TÂN JERUSALEM	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
PHỤ PHỤ HÒA GIA ĐẠO THỊNH (XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH)	Lm. Đan Vinh
ĐẠI KẾT, TỰ DO TÔN GIÁO, LIÊN HỆ VỚI CÁC TÔN GIÁO NGOÀI KITÔ GIÁO VÀ SỨ VỤ TRUYỀN GIÁO (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II – BÀI 7)	Phaolo Phạm Xuân Khôi
Người nhào lộn	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VÀ SỐNG TƯƠNG QUAN VỚI GIA ĐÌNH	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
Xả Sress	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
CHÚC MỪNG CHA SỞ FX. ĐINH TRỌNG TỰ NHÂN DỊP 45 NĂM LINH MỤC (14/5/1968 - 14/5-2013)	Ánh Minh Đăng

Tổ Chức Phẩm Trật Giáo Hội Và Đặc Biệt Về Chức Giám Mục

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiển Chế Tín Lý Về Giáo Hội : Lumen Gentium

Chương III

Tổ Chức Phẩm Trật Giáo Hội

Và Đặc Biệt Về Chức Giám Mục ^{23*}

18. Lời mở đầu. Để chấn dặt và phát triển Dân Thiên Chúa luôn mãi, Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội hầu mưu ích cho toàn thân. Thực vậy, các thừa tác viên sử dụng quyền bính thiêng liêng mà phục vụ anh em mình, để mọi người thuộc Dân Thiên Chúa và đương nhiên hưởng phẩm giá Kitô hữu sẽ đạt đến phần rỗi, nhờ nỗ lực tiến tới cùng một cứu cánh trong tự do và trật tự.

Bước theo dấu vết của Công Đồng Vaticanô I, Thánh Công Đồng này cũng giảng dạy và tuyên bố rằng: Chúa Giêsu Kitô, Mục Tử vĩnh cửu đã thiết lập Giáo Hội thánh thiện khi sai các Tông Đồ như Chúa Cha đã phái Người (Gio 20,21), và Người đã muốn các đấng kế vị, tức các Giám Mục, làm chủ chăn trong Giáo Hội cho đến tận thế. Nhưng để Chức Giám Mục được duy nhất và không bị phân chia, Chúa đã đặt Thánh Phêrô làm Thủ Lãnh các Tông Đồ khác, và trong Ngài, Chúa đã đặt nguyên lý cùng nền tảng vĩnh cửu và hữu hình của hiệp nhất đức tin và hiệp thông ¹. Thánh Công Đồng một lần nữa nêu lên cho mọi tín hữu tin vững vàng giáo lý về sự thiết lập, sự trường tồn, về quyền lực và quan niệm của quyền tối thượng nơi Giáo Hoàng Rôma cùng quyền Giáo Huấn bất khả ngộ của Ngài. Tiếp tục công trình đã khởi sự, Thánh Công Đồng muốn công bố và giải thích cho mọi người giáo lý về các Giám Mục, những đấng kế vị các Tông Đồ và cùng với đấng kế vị Thánh Phêrô, Đại Diện Chúa Kitô ², và là Thủ Lãnh của toàn thể Giáo Hội hữu hình điều khiển gia đình Thiên Chúa hằng sống. ^{24*}

19. Kêu gọi và thiết lập nhóm 12 Tông Đồ. ^{25*} Chúa Giêsu, sau khi cầu nguyện lâu giờ cùng Chúa Cha, đã gọi đến với mình những kẻ Người muốn và thiết lập mười hai người để chung sống với Người, cùng sai họ đi rao giảng Nước Thiên Chúa (x. Mc 3,13-19; Mt 10,1-42); Người tổ chức (x. Lc 6,13) các Tông Đồ này theo cách thức một cộng đoàn, nghĩa là một nhóm người kiên vững; Người chọn Phêrô, một người trong số họ, làm đầu cộng đoàn ấy (x. Gio 21,15-17). Người sai họ đến với con cái Israel trước tiên, rồi đến với tất cả các dân nước khác (x. Rm 1,16), hầu, nhờ tham dự vào quyền bính của Người, các Tông Đồ làm cho mọi dân tộc nên môn đệ Người cùng thánh hóa và điều khiển họ (x. Mt 28,16-20; Mc 16,15; Lc 24,45-48; Gio 20,21-23), như thế, dưới sự hướng dẫn của Chúa, các Ngài mở mang và chấn dặt Giáo Hội bằng việc phục vụ mọi ngày cho đến tận thế (x. Mt 28,20). Ngày Lễ Hiện Xuống, các ngài được hoàn toàn kiên vững trong sứ mệnh này (x. CvTđ 2,1-36), như lời Chúa hứa: "Các con sẽ nhận lấy sức mạnh của Thánh Thần ngự xuống trên các con, và các con sẽ làm chứng về Thầy tại Giêrusalem, khắp xứ Giuđêa, Samaria, cho đến tận cùng trái đất" (CvTđ 1,8). Khi các Tông Đồ rao giảng Phúc Âm khắp nơi (x. Mc 16,20) và có nhiều thánh giả đón nhận nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, các ngài qui tụ họ thành Giáo Hội phổ quát, Giáo Hội này đã được Chúa thiết lập trên các Tông Đồ và xây dựng trên Thánh Phêrô, thủ lãnh của các ngài; và Chúa Giêsu Kitô là viên đá góc cao cả của Giáo Hội ấy (x. Kh 21,14; Mt 16,18; Eph 2,20) ³. ^{26*}

20. Các Giám Mục, kế nghiệp các Tông Đồ. Sứ mệnh thần linh được Chúa Kitô trao phó cho các Tông Đồ phải tồn tại cho đến tận thế (x. Mt 28,20), bởi lẽ Phúc Âm mà các ngài có nhiệm vụ rao truyền là nguyên lý ban sự sống toàn diện

cho Giáo Hội qua mọi thời đại. Vì thế, các Tông Đồ đã quan tâm đặt người kế vị trong cái xã hội có phẩm trật này.

Thực thế, không những các ngài có nhiều phụ tá giúp thi hành chức vụ⁴, nhưng, để sứ mệnh phó thác cho các ngài được tiếp tục sau khi các ngài qua đời, các Tông Đồ còn ủy thác, như một di chúc, cho các cộng sự viên trực tiếp của mình, nhiệm vụ hoàn tất và củng cố công trình các ngài đã khởi sự⁵, đồng thời căn dặn họ coi sóc tất cả các đoàn chiên, mà Chúa Thánh Thần đã đặt họ chăn dắt Giáo Hội Chúa (x. CvTđ 20,28). Bởi vậy các ngài đề cử những người như thế, rồi ban quyền chức cho họ, hầu khi các ngài qua đời, đã có những người xứng đáng nhận lãnh chức vụ của các ngài⁶. Giữa những chức vụ khác nhau được thi hành trong Giáo Hội từ buổi sơ khai, theo chứng tá của truyền thống, chức vụ chính yếu là chức vụ của những vị đã được bổ nhiệm lên Giám Mục; nhờ liên tục kế vị từ buổi ban đầu,⁷ các ngài vẫn có những mầm mống hạt giống tông đồ⁸. Như thế, theo chứng tá của Thánh Irêneô, truyền thống tông đồ được biểu hiện trên khắp hoàn cầu⁹ và được bảo tồn¹⁰ nhờ những đấng được các Tông Đồ đặt làm Giám Mục và các vị kế nghiệp các ngài cho đến ngày nay.

Nhờ thế, các Giám mục đã nhận lãnh việc phục vụ cộng đoàn với sự giúp đỡ của các linh mục và phó tế¹¹. Thay thế Thiên Chúa, các ngài đứng đầu đàn chiên¹² mà các ngài là chủ chăn, với tư cách là Thầy dạy giáo thuyết, tư tế lo phụng tự thánh và thừa tác viên lãnh đạo¹³, cũng như chức vụ mà Chúa đã trao phó riêng cho Thánh Phêrô, Tông Đồ Cả, và phải được trao lại cho các đấng kế vị Phêrô, chức vị đó luôn tồn tại, cũng thế, chức vụ chăn dắt Giáo Hội của các Tông Đồ phải tồn tại và được thi hành liên tục do thánh chức Giám Mục¹⁴. Vì thế, Thánh Công Đồng dạy rằng, chính Chúa đã lập các Giám Mục kế vị Tông Đồ¹⁵ làm mục tử Giáo Hội. Bởi vậy, ai nghe lời các ngài là nghe lời Chúa Kitô, còn ai khinh dể các ngài là khinh dể Chúa Kitô và Đấng đã phái Chúa Kitô đến (x. Lc 10,16)¹⁶.^{27*}

21. Chức Giám Mục có tính cách bí tích. Vậy, qua các Giám Mục được các linh mục trợ giúp, Chúa Giêsu Kitô, Linh Mục Thượng Phẩm, hiện diện giữa các tín hữu. Thực vậy, ngự bên hữu Chúa Cha, Người vẫn hiện diện giữa cộng đoàn các linh mục của Người¹⁷, nhưng nhất là qua sự phục vụ quý hóa của các ngài, Chúa Kitô rao giảng lời Thiên Chúa cho các dân nước và không ngừng ban phát các bí tích cho tín hữu. Nhờ nhiệm vụ làm cha của các ngài (x. 1Cor 4,15), Chúa tháp nhập vào thân thể Người những chi thể mới nhờ sự tái sinh siêu nhiên. Và sau cùng, nhờ sự khôn ngoan thận trọng của các ngài, Chúa điều khiển và hướng dẫn dân tộc của Tân Ước trong cuộc lữ hành tiến về hạnh phúc muôn đời. "Các mục tử này, được chọn để chăn dắt đoàn chiên Chúa, là thừa tác viên của Chúa Kitô và ban phát các màu nhiệm của Thiên Chúa (x. 1Cor 4,1); các ngài được ủy thác việc làm chứng Phúc Âm của ân sủng Thiên Chúa (x. Rm 15,16; CvTđ 20,24) và việc thi hành công cuộc của Thánh Thần và của công lý trong vinh quang (x. 2Cor 3,8-9).

Để chu toàn nhiệm vụ cao trọng ấy, các Tông Đồ được Chúa Kitô đổ tràn Thánh Thần cách đặc biệt (x. CvTđ 1,8; 2,4; Gio 20,22-23). Và các ngài thông truyền các ơn thiêng ấy cho các cộng sự viên khi đặt tay trên họ (x. 1Tm 4,14; 2Tm 1,6-7). Và qua việc tấn phong Giám Mục, ơn thiêng ấy được thông truyền cho đến chúng tôi¹⁸. Thánh Công Đồng dạy rằng, khi được tấn phong, các Giám Mục nhận lãnh sự trọn vẹn của bí tích Truyền Chức Thánh mà tập tục phụng vụ Giáo Hội và các Thánh Giáo Phụ gọi là chức linh mục tối cao và nhận lãnh thực tại toàn vẹn của thánh vụ¹⁹. Việc tấn phong Giám Mục trao ban nhiệm vụ thánh hóa cũng như nhiệm vụ giảng dạy và cai trị; tuy nhiên, các nhiệm vụ ấy, do bản tính, chỉ có thể thực thi trong sự hiệp thông với Thủ Lãnh và các phần tử của Giám Mục Đoàn. Thực vậy, truyền thống được diễn tả nhất là qua các nghi thức phụng vụ và qua thói quen của

Giáo Hội Đông Phương cũng như Tây Phương cho thấy rõ ràng là qua sự đặt tay và qua các lời tấn phong, ơn Chúa Thánh Thần được thông ban ²⁰ và ấn dấu thánh được in ²¹ trên các Giám Mục, nên các ngài thi hành nhiệm vụ của chính Chúa Kitô là Thầy, Chủ Chăn và Linh Mục, và hoạt động nhân danh Người ²² một cách cao quý và hữu hình. Các Giám Mục có phận sự nhận vào Giám Mục Đoàn, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, những người mới được tuyển chọn. ^{28*}

22. Giám Mục Đoàn và vị Thủ Lãnh. ^{29*} Thánh Phêrô và các Tông Đồ khác tạo thành một cộng đoàn Tông Đồ duy nhất theo như Chúa đã ấn định; tương tự như thế, Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Phêrô, cùng với các Giám Mục là những người kế vị các Tông Đồ đều liên kết với nhau. Đặc tính và bản chất cộng đoàn của hàng giám mục được biểu lộ qua luật lệ cổ truyền: theo đó Giám Mục trên khắp hoàn cầu thông hiệp với nhau và với Giám Mục Roma bằng mỗi dây hiệp nhất, bác ái và bình an ²³ và qua sự triệu tập các Công Đồng ²⁴ để cùng nhau quyết định những vấn đề quan trọng đặc biệt ²⁵ sau khi Nghị Phụ đã cân nhắc kỹ lưỡng ²⁶. Bản chất ấy được xác nhận bởi việc triệu tập các Công Đồng Chung qua bao thời đại. Và bản chất cộng đoàn ấy cũng được một tập truyền xa xưa công nhận, đó là việc nhiều Giám Mục được mời đến tấn phong một người mới được chọn lên nhiệm vụ tối cao của chức linh mục. Người lãnh nhận bí tích truyền chức và hiệp thông giáo phẩm với Thủ Lãnh cùng các phần tử trong Cộng Đoàn trở thành phần tử của Giám Mục Đoàn.

Nhưng cộng đoàn giám mục hoặc giám mục đoàn chỉ có quyền hành khi hiệp với Giáo Hoàng Roma, đấng kế vị thánh Phêrô, Thủ Lãnh của cộng đoàn giám mục; nhưng quyền tối thượng trên tất cả các Chủ Chăn và tín hữu của Giáo Hoàng Roma vẫn luôn luôn được bảo toàn trọn vẹn. Thực vậy, do nhiệm vụ của mình, là Đại Diện Chúa Kitô và Chủ Chăn của toàn thể Giáo Hội, Đức Giáo Hoàng Roma có một quyền bính trọn vẹn, tối cao, phổ quát trên Giáo Hội, và bao giờ Ngài cũng đợc tự do thi hành quyền bính ấy, Giám Mục Đoàn kế vị cộng đoàn Tông Đồ trong việc giáo huấn và chăn dắt, chính trong Giám Mục Đoàn mà cộng đoàn Tông Đồ được trường tồn. Hiệp nhất với Thủ Lãnh, tức Giáo Hoàng Roma, và không bao giờ tách rời khỏi Thủ Lãnh ấy, giám mục đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội ²⁷, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giáo Hoàng Roma. Chúa đã đặt một mình Phêrô làm đá nền, trao chìa khóa Giáo Hội cho một mình Ngài (x. Mt 16,18-19), cũng đã đặt Ngài là Chủ Chăn của toàn thể đàn chiên Chúa (x. Gio 21,15tt); những quyền tháo gỡ cầm buộc của Người đã ban cho Phêrô (x. Mt 16,19), hẳn cũng đã ban cho cả cộng đoàn Tông Đồ hiệp nhất với Thủ Lãnh (x. Mt 18,18; 28,16-20) ²⁸. Gồm nhiều phần khác nhau, cộng đoàn giám mục diễn tả đặc tính đa dạng và phổ quát của Dân Thiên Chúa; đồng thời, tụ họp dưới quyền thủ lãnh duy nhất, cộng đoàn giám mục diễn tả sự hiệp nhất của đàn chiên Chúa Kitô. Trong cộng đoàn này, các Giám Mục, khi trung thành tôn trọng quyền tối thượng và quyền điều khiển của vị Thủ Lãnh, các Ngài thi hành quyền bính riêng để mưu ích cho tín hữu mình và cho toàn thể Giáo Hội, nhờ có Chúa Thánh Thần không ngừng củng cố cơ thể và sự thuận hòa trong cơ thể ấy. Quyền bính tối cao của giám mục đoàn trên toàn thể Giáo Hội được thi hành cách trọng thể trong Công Đồng Chung. Nhưng không bao giờ có Công Đồng Chung nếu không được Đấng kế vị Thánh Phêrô phê chuẩn hay ít ra chấp nhận; Đức Giáo Hoàng Roma có đặc quyền triệu tập, chủ tọa và phê chuẩn các Công Đồng này ²⁹. Hiệp nhất với Giáo Hoàng, các Giám Mục trên khắp thế giới còn có thể thực hành quyền cộng đoàn ấy, khi vị Thủ Lãnh cộng đoàn mời gọi các ngài cùng hành động cách cộng đoàn, hay ít ra khi ngài ưng thuận hoặc tự do chấp nhận hành động hiệp nhất của các Giám Mục rải rác để làm cho nó trở thành một hành động có tính cách cộng đoàn thực sự. ^{30*}

23. Mỗi liên lạc giữa các Giám Mục trong cộng đoàn. Sự hiệp nhất của Giám Mục Đoàn còn được biểu lộ qua mối tương giao giữa mỗi Giám Mục với các Giáo Hội địa phương và Giáo Hội phổ quát. Đức Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Phêrô, là nguyên lý và nền tảng hữu hình, vĩnh cửu ³⁰ của sự hiệp nhất giữa các Giám Mục cũng như giữa các tín hữu. Còn mỗi Giám Mục là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Giáo Hội địa phương ³¹. Các Giáo Hội này được thành lập theo hình ảnh Giáo Hội phổ quát: chính nhờ và trong các Giáo Hội ấy mà có một Giáo Hội công giáo, duy nhất ³². Vì thế mỗi Giám Mục đại diện cho Giáo Hội mình, và tất cả các Giám Mục cùng với Giáo Hoàng đại diện cho toàn thể Giáo Hội trong mỗi dây bình an, yêu thương và hiệp nhất.

Mỗi Giám Mục được đặt làm Thủ Lãnh một Giáo Hội địa phương, thực hành quyền mục vụ trên phần Dân Thiên Chúa được trao phó cho mình, chứ không thực hành quyền mục vụ trên các Giáo Hội địa phương khác, hoặc Giáo Hội phổ quát. Nhưng với tư cách là phần tử giám mục đoàn, và là người kế vị hợp pháp các Tông Đồ, mỗi Giám Mục, do sự thành lập và giới lệnh của Chúa Kitô, có bổn phận ³³ ân cần săn sóc đến toàn thể Giáo Hội. Sự ân cần săn sóc đó, cho dầu không được thể hiện bằng một hành động thuộc quyền tài thẩm, vẫn mang lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội phổ quát. Thực vậy, tất cả các Giám Mục có nhiệm vụ phát huy và bảo vệ sự hiệp nhất đức tin và kỷ luật chung của cả Giáo Hội, dạy cho tín hữu biết yêu mến toàn Nhiệm Thể Chúa Kitô, nhất là các chi thể nghèo khó, đau khổ và đang chịu bách hại vì sự công chính (x. Mt 5,10), sau cùng các ngài còn có nhiệm vụ phát huy mọi sinh hoạt chung của toàn Giáo Hội, nhất là phát triển đức tin và làm cho ánh sáng chân lý toàn vẹn chiếu soi trên mọi người. Đàng khác, khi điều khiển khéo léo Giáo Hội địa phương là một phần Giáo Hội phổ quát, dĩ nhiên các Giám Mục đã góp phần hữu hiệu vào công ích của toàn Nhiệm Thể cũng là thân thể của các Giáo Hội ³⁴.

Lo lắng rao truyền Phúc Âm cho khắp thế giới là một bổn phận của cộng đoàn các Chủ Chăn. Chúa Kitô đã ra lệnh chung cho tất cả các ngài và giao phó cho các ngài một bổn phận chung, như Đức Giáo Hoàng Coelestinô đã nhắc nhở các Nghị Phụ Công Đồng Ephesô ³⁵. Vì thế các Giám Mục, trong phạm vi trách nhiệm riêng của các ngài cho phép, phải cộng tác với nhau và với Đức Giáo Hoàng là người được đặc biệt ủy thác nhiệm vụ cao cả truyền bá danh hiệu Kitô hữu ³⁶. Do đó, các Giám Mục phải dốc toàn lực đóng góp cho các xứ truyền giáo nhiều thợ gặt, nhiều sự trợ giúp thiêng liêng và vật chất, vừa bằng cách tự mình trực tiếp giúp đỡ, vừa khuyến khích các tín hữu nhiệt thành cộng tác. Sau cùng, trong niềm cảm thông phổ quát của đức ái, theo gương lành đáng kính của các thế kỷ đầu, các Giám Mục hãy sẵn lòng lấy tình huynh đệ trợ giúp các Giáo Hội khác, nhất là những Giáo Hội gần nhất và túng thiếu nhất.

Các Giáo Hội khác nhau mà các Tông Đồ và những đấng kế vị đã thành lập tại nhiều nơi khác nhau theo dòng thời gian, Chúa Quan Phòng đã muốn tụ hợp lại thành nhiều nhóm được liên kết ở tổ chức; các nhóm này có kỷ luật riêng, phụng vụ riêng, thừa hưởng di sản thần học và thiêng liêng riêng mà không phương hại đến sự hiệp nhất đức tin cũng như bản chất duy nhất và thần linh của Giáo Hội phổ quát. Trong các Giáo Hội ấy, một vài Giáo Hội, nhất là những Giáo Hội cổ xưa do các Giáo Chủ lãnh đạo, như các bà mẹ đức tin, đã sinh nhiều Giáo Hội khác như con cái mình, và vẫn còn liên kết với nhau cho đến ngày nay bằng mỗi dây bác ái mật thiết và bằng đời sống bí tích trong sự tôn trọng quyền lợi và nghĩa vụ lẫn nhau ³⁷. Các Giáo Hội địa phương tuy khác nhau như thế nhưng đều hướng về sự hiệp nhất, nên càng minh chứng đặc tính công giáo của một Giáo Hội không phân chia. Cũng thế, ngày nay các Hội Đồng Giám Mục có thể góp phần phong phú bằng nhiều thể cách để cụ thể hóa tinh thần cộng đoàn. ^{31*}

(Còn tiếp)

Chú Thích:

23* Chương này rất quan trọng. Muốn hiểu rõ cần phải lưu ý mấy điểm:

a) Chương này lặp lại và hiệu chính cho hiến chế "Pastor Aeternus" của Công Đồng Vaticanô I.

b) Bởi vậy, hầu hết là nói về chức Giám Mục, và cũng chỉ mới đề cập được một phần như Công Đồng Vaticanô I, vì Công Đồng này hầu như chỉ bàn về quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Để có một cái nhìn toàn diện, có lẽ nên đề cập tới cả hai Công Đồng. Còn khá nhiều vấn đề thần học chưa được giải quyết. Hy vọng một Công Đồng mai hậu sẽ có thể đạt được một sự tổng hợp mà chúng ta không có.

Văn thể và bút pháp chương này khác xa với hai chương trước. Văn thể của hai chương trước bằng bạc Thánh Kinh, còn văn thể ở đây cứng chắc hơn, ít biểu tượng hơn và rõ rệt hơn theo quan điểm pháp lý. Và lại, bản văn đã được bàn cãi nhiều khiến có thể nhận ra ngày nó đã được làm đi làm lại, đầy những chú thích và sửa chữa. Bởi vậy đôi khi bản văn trở thành nặng nề và rắc rối (khiến văn phòng Tổng Thư Ký của Công Đồng đã phải thêm phần phụ trương sau cùng, tức phần "Chú thích sơ khởi").

Dầu vậy kết cấu nội tại cũng sáng sủa và bao gồm:

- Một phần nhập đề: cho biết nội dung của chương và xác định rõ rệt mục đích mà Công Đồng muốn đề ra.

- Bốn tiểu mục về:

(1) Nguồn gốc chức Giám Mục (các số 19-21).

(2) Giám Mục Đoàn, một vấn đề được thảo luận sôi nổi (các số 22-23).

(3) Thừa tác vụ Giám Mục và những quyền hành của Giám Mục (các số 24-27).

(4) Những thừa tác viên cấp dưới: Linh Mục và Phó Tế (các số 28-29).

Nội dung của chương này bàn về cơ cấu phẩm trật trong Giáo Hội. Dân Chúa là một dân có tổ chức, một cộng đoàn chứ không phải là một đám đông ô hợp, trong đó có quyền bính được thi hành trong Giáo Hội và trên Giáo Hội do các Tông Đồ và các người kế vị hoặc các cộng tác viên tuyển chọn và chỉ định. Công Đồng cũng xác định 3 đặc tính của quyền bính này:

a) Đây là một thứ quyền bính được ủy thác: không chỉ thi hành nhân danh Chúa Kitô mà thôi, nhưng còn phải biểu lộ Chúa Kitô phục sinh hiện diện trong Giáo Hội của Người; quyền bính ấy phải được Thánh Thần Chúa Kitô hỗ trợ.

b) Quyền bính không phải là để thống trị, nhưng là để phục vụ cho cộng đoàn; việc phục vụ trước hết là giảng huấn Lời Chúa và thông ban ơn Ngài qua bí tích; còn việc điều hành và cai trị chỉ là phụ. Các vị thủ lãnh Giáo Hội là những người cha trong đức tin và là những thừa tác viên của bí tích.

c) Quyền bính là do Chúa ban, nhưng liên lạc mật thiết với cộng đoàn; và theo kiểu nói của Thánh Kinh, quyền bính có sứ mệnh "chấn dắt" cộng đoàn.

1 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Chúa Kitô Pastor aeternus: Dz 1821 (3050t).

2 Xem CD Firenze, Decretum Pro Graecis: Dz 694 (1307) và CD Vat. I, n.v.t.,: Dz 1826 (3059).

24* Số 18: Nhập đề.

Số này liên kết chương II và chương III lại với nhau. Chúa Kitô muốn thiết lập phẩm trật vì lợi ích cho toàn thể Giáo Hội. Phẩm trật vừa như là một trong những thừa tác vụ được Chúa Kitô thiết lập, vừa như là một công cuộc phục vụ huynh đệ cho tất cả Dân Chúa. Khác với Vaticanô I vì coi phẩm trật như một dữ kiện tiên quyết, Công Đồng Vaticanô II lại khởi đầu từ Dân Chúa, sau đó mới cho biết phẩm trật là để phục vụ Dân ấy.

25* Tiểu mục 1: (các số 19-21) Về nguồn gốc chức Giám Mục.

3 Xem Liber Sacramentorum của T. Gregoriô, kinh tiền tụng ngày sinh nhật của Thánh Mattheô và Tôma: PL 78,51 và 152; xem Cod. Vat. Lat. 3548, f. 18. T. Hilariô, In Ps. 67,10: PL 9,450; CSEL 22, trg 286. T. Hieronimô, Adv. Jovin. 1,26: PL 23, 247A. T. Augustinô, In Ps. 86,4 : PL 37, 1103. T. Gregoriô Cả, Mor. in Job, XXVIII, V : PL 76 455-456. Primasiô, Comm. in Apoc. V : PL 68, 924 BC. Paschasiô Radb. In Mt, c. VIII, ch. 16: PL 120, 561C. Xem Lêô XIII thư Et Sane, 17-12-1888 : AAS 21 (1888), trg 321.

26* Số 19: Sứ mệnh và việc thiết lập Mười Hai Tông Đồ.

Nhóm Tông Đồ được Chúa Kitô tuyển chọn là một nhóm có cá tính riêng mà Công Đồng đã nêu ra những đặc điểm như sau: họ sống với Chúa, được Chúa sai đi rao giảng Nước Trời, họ liên kết thành một Tông Đồ Đoàn, và có một thủ lãnh. Khó khăn là ở điểm thứ ba này, vì người ta có thể hiểu từ ngữ Tông Đồ Đoàn theo nghĩa hoàn toàn pháp lý. Nhưng đây không phải thế, vì Công Đồng không xử dụng từ ngữ theo nghĩa pháp lý, nhưng theo nghĩa là một nhóm cố định, do Chúa thiết lập (x. số 1 của phần "Chú thích sơ khởi"). Đặc tính Tông Đồ Đoàn còn được biểu lộ qua sự kiện chỉ mình Phêrô là thủ lãnh của nhóm. Quả quyết sự hiện hữu của Tông Đồ Đoàn là để chuẩn bị quả quyết về Giám Mục Đoàn (số 22).

4 Xem CvTđ 6,2-6. 11-30; 13,1; 14,23; 20,17; 1Th 5,12-13; Ph 1,1; Col 4,11 và nhiều chỗ khác.

5 Xem CvTđ 20,25-27; 2Tm 4,6t so sánh với 1Tm 5,22; 2Tm 2,2; Tit 1,5. T. Clementê thành Roma, Ad Cor. 44, 3: x.b. Funk, I, trg 156.

6 T. Clementê thành Roma, Ad Cor, 44, 2 : x.b. Funk, I, trg 154t.

7 Xem Tertullianô, Praescr. Haer. 32 : PL 2,52t. T. Inhaxiô Tử đạo, nhiều chỗ khác.

8 Xem Tertullianô, Praescr. Haer. 32: PL 2,53.

9 Xem Ireneô, Adv. Haer. III, 3,1: PG 7,848A; Harvey 2,8; Sagnard, trg 100: "Manifestatam".

10 T. Ireneô, Adv. Haer. III, 3,1 : PG 7,847 ; Harvey 2,7 ; Sagnard, trg 100: "Custoditur", xem, n.v.t., IV, 26,2 : cột 1053; Harvey 2,236, cả IV, 33,8: cột 1077; Harvey 2,262.

11 T. Inhaxiô Tử đạo, Philad., lời mở đầu: x.b. Funk I, trg 264.

12 T. Inhaxiô Tử đạo, Philad., I,1; Magn. 6,1: x.b. Funk I, trg 264 và 234.

13 T. Clementê thành Roma, n.v.t., 42,3-4; 44, 3-4; 57,1-2: x.b. Funk, I, trg 152, 156, 171t. T. Inhaxiô Tử đạo, Philad., 2; Smyrn. 8; Magn. 3; Trall.7: x.b. Funk I, trg 265t.; 281; 232; 246t. v.v T. Giustinô, Apol., 1,65: PG 6,428; T. Cyprianô, Epist., nhiều chỗ khác.

14 Xem Lêô XII, Tđ. Satis cognitum, 29-6-1896: AAS 28 (1895-96), trg 732.

15 Xem CD Trentô, Sắc lệnh De sacr. Ordinis, ch. 4: Dz 960 (1768); CD Vat. I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Chúa Kitô Pastor aeternus, ch. 3: Dz 1828 (3061). Piô XII, Tđ Mystici Corporis, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 209 và 212, CIC, kh. 329 đoạn 1.

16 Xem Lêô XIII, thư Et Sane, 17-12-1888: AAS 21 (1888), trg 321t.

27* Số 20: Công Đồng dạy rằng do việc Chúa thiết lập mà các vị Giám Mục trở nên những người kế vị các Tông Đồ, và với tước hiệu ấy, các ngài là những mục tử chăn dắt Giáo Hội. Trong đoạn này người ta đã cố gắng đưa ra những nhận xét để đánh giá trị một cách chính đáng bao nhiêu có thể những lời chứng của truyền thống. Lịch sử của truyền thống về sự kế vị và về các chứng tá chính yếu một khi được trình bày rồi, Công Đồng mới quả quyết hai điểm quan trọng ở đoạn c:

a) Sự trường tồn của thừa tác vụ tông đồ nơi các Giám Mục để chăn dắt Giáo Hội Chúa.

b) Và kết quả của sự trường tồn ấy là: các Giám Mục là những người kế vị các Tông Đồ. Công Đồng không muốn định tín giáo lý này, nhưng giảng dạy một cách chắc chắn, vì xử dụng những kiểu nói chuyên biệt "Thánh Công Đồng dạy rằng". Sự kế vị là do Chúa lập, nhờ đó mà các Giám Mục trở thành mục tử Giáo Hội. Công Đồng không đi vào vấn đề xem các Giám Mục có được thừa kế các đặc quyền riêng biệt của các Tông Đồ hay không, nhưng chỉ minh nhiên quả quyết tông vụ chăn dắt Giáo Hội Chúa được nối tiếp nơi các Giám Mục.

17 Xem T. Lêô Cả, Serm. 5,3: PL 54,154.

18 CD Trentô, khóa 23, ch. 3, trích 2Tm 1,6-7 để chứng minh phép truyền chức thánh thực sự là một bí tích: Dz 959 (1766).

19 Trong Trad. Apost. 3, x.b. Botte, Sources Chrétiennes, trg 27-30, Giám Mục có chức linh mục cao nhất (primatus sacerdotii). Xem Sacramentarium Leonianum, x.b. C. Mohlberg, Sacramentarium Veronense, Roma, 1955, trg 119: "ad summi sacerdotii ministerium... Comple in sacerdotibus tuis mysterii tui summam"... n.t., Liber Sacramentorum Romanae Ecclesiae, Roma, 1960, trg 121-122: "Lạy Chúa, xin ban cho họ ngài giám mục để họ điều khiển Giáo Hội Chúa và toàn dân": x. PL 78, 224.

20 Xem Trad. Apost. 2: x.b. Botte, trg 27.

21 Xem CD Trentô, khóa 23, ch. 4, dạy rằng bí tích truyền chức in dấu không hay mất: Dz 960 (1767). Xem Gioan XXIII, huấn từ Jubilate Deo, 8-5-1960: AAS 52 (1960), trg 466. - Phaolô VI, bài giảng tại giáo đường Vaticanô, 20-10-1963: AAS 55 (1963), trg 1014.

22 T. Cyprianô, Epist. 63,14: PL 4, 386; Hartel, IIIB, trg 713: "Linh mục thực sự hoạt động thay Chúa Kitô". T. Gioan Kim Khẩu, In 2 Tim, bài giảng 2,4 ; PG 62,612: Linh Mục là "hình ảnh" (symbolon) của Chúa Kitô. T. Ambrosiô, In Ps 38,25-26: PL 14,1051-52: CSEL 64,203-204. Ambrosias-ter, In 1 Tim 5,19: PL 17,479 C và In Eph. 4,11-12: cột 387. C. Theodorô Mops., Hom. Catech. XV, 21 và 24: x.b. Tonneau, trg 497 và 503. Hesychio Hieros., In Lev. L. 2, 9,23: PG 93,894 B.

28* Số 21: Bí tích tính của chức Giám Mục.

Bố cục của số này như sau: điểm quả quyết trong số 20 (chính Chúa đã lập các Giám Mục kế vị Tông Đồ làm mục tử Giáo Hội) được bổ túc bằng ba xác định mới:

(1) Chúa Kitô hiện diện giữa tín hữu trong con người của Giám Mục.

(2) Sự hiện diện ấy được chuyển đạt qua các nghi thức đặt tay, là nhờ hồng ân thiêng liêng của Chúa Thánh Thần.

(3) Và như vậy, sự kế vị các Tông Đồ được chuyển trao nhờ một bí tích là bí tích truyền chức Giám Mục.

Chức Giám Mục là chức linh mục tối thượng. Qua việc truyền chức, vị Giám Mục lãnh nhận sự sung mãn của bí tích truyền chức. Việc truyền chức đem đến cho vị Giám Mục 3 nhiệm vụ: thánh hóa, giảng dạy và cai trị (x. các số 25-27). Công Đồng đã soạn thảo đoạn này để giải quyết cho xong cuộc bàn cãi về bí tích tính của chức Giám Mục, vì có một số người chỉ coi đó là một hình thức bổ túc cho chức linh mục. Do đó mà từ nay phải nhìn bí tích truyền chức nơi vị Giám Mục chứ không phải nơi Linh Mục, vì Linh Mục chỉ tham dự vào sự sung mãn của chức tư tế Giám Mục (x. số 28). Như thế con đường đã được chuẩn bị để quả quyết về Giám Mục Đoàn.

29* Tiểu mục 2: (các số 22-23) Giám Mục Đoàn.

Tiết này được tranh luận nhiều nhất, có nhiều chú thích và sửa đổi nhất, đặc biệt là số 22: bởi vậy công việc soạn thảo sau cùng rất nặng nề. Người ta biết có hai bản phúc trình ngược hẳn nhau được đệ trình lên Công Đồng, một của Giám Mục Parente, ủng hộ bản văn, sau cùng được chấp thuận với một ít điều sửa đổi, và một của Giám Mục Franic trình bày những khó khăn chống với bản văn. Cũng nhờ "bản phúc trình" sau này mà có phần chú thích sơ khởi, đến giờ chót được đặt thêm vào bản văn để xoa dịu một vài lập trường quyết liệt. Khó khăn chính là vì người ta sợ Cộng Đoàn tính của Giám Mục có thể phương hại tới tín điều về quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Khó khăn khác nữa là vì từ ngữ Giám Mục Đoàn, nếu hiểu theo nghĩa pháp lý, sẽ đưa đến sự bình đẳng giữa các phần tử trong đoàn và như vậy, dường như quyền tối thượng bị đe dọa. Sau cùng, từ ngữ đó không có trong Thánh Kinh hay trong Truyền Thống. Công Đồng vẫn lưu ý đến những vấn nạn đó khi soạn thảo bản văn và cũng vì vậy mà xác nhận một lần nữa về quyền tối thượng của Giáo Hoàng trong một bản văn đề cập đến các Giám Mục.

23 Xem Eusebiô, Hist. Eccl., V, 24,10 : GCS II,1, trg 495; x.b. Bardy, Sources Chr. II, trg 69. Dionysiô, trong Eusebiô, n.v.t. VII, 5,2: GCS II, 2, trg 638t ; Bardy, II trg 168t.

24 Xem về các Công Đồng thời trước, Eusebiô, Hist. Eccl. V, 23-24: GCS II, 1, trg 488 tt; Bardy, II, trg 66t. và nhiều chỗ khác. CĐ Nicea, đ.th. 5: Conc.Oec. Decr., trg 7.

25 Xem Tertullianô, De Jejuniô, 13: PL 2, 972B: CSEL 20, trg. 292, hàng 13-16.

26 Xem T. Cyprianô, Epist. 56, 3 : Hartel, III B, trg 650 ; Bayard, trg 154.

27 Xem phúc trình chính thức của Zinelli, trong CĐ Vat I : Mansi 52, 1109C.

28 Xem CĐ Vat I, lược đồ Hiến chế tín lý, II, De Eccl. Christi, ch. 4: Mansi 53, 310. Xem phúc trình của Kleutgen về lược đồ sửa lại: Mansi 53, 321B-322B và tuyên bố của Zinelli: Mansi 52, 1110. Cũng xem T. Lê Cả, Serm. 4,3 : PL 54, 151A.

29 Xem CIC, các kh. 222 và 227.

30* Trong số 22 này, chúng ta phân biệt bốn đề xướng:

(1) Đề xướng thứ nhất quả quyết sự hiện hữu của Giám Mục Đoàn kế vị Tông Đồ Đoàn, phác họa một chứng cứ lịch sử, và liệt kê những điều kiện gia nhập đoàn. Đây là một trong những quả quyết quan trọng nhất của Công Đồng mà người ta muốn bày tỏ tính cách bổ túc của nó cho Công Đồng Vaticanô I. Công Đồng xác nhận nguồn gốc Tông Đồ Đoàn là do Chúa, hợp với tinh thần Tân Ước (x. số 19), và Tông Đồ Đoàn được các người kế vị là Giám Mục tiếp nối liên tục. Sự liên tục đó là một kết quả hợp lý vì Chúa đã hứa cho Giáo Hội được trường tồn. Nhiều tài liệu của

Truyền thống cũng xác nhận sự liên tục này. Được phong chức Giám Mục và hiệp thông giáo phẩm với Thủ Lãnh cũng như với các phần tử trong đoàn, là đã gia nhập Giám Mục Đoàn. Giám Mục Đoàn luôn đòi phải có Thủ Lãnh.

(2) Giám Mục Đoàn cũng có quyền bính tối cao và trọn vẹn trên toàn thể Giáo Hội. Điều quả quyết này gây ra nhiều vấn đề thần học quan trọng, vì như chúng ta biết, Giáo Hoàng cũng có đặc quyền ấy. Việc soạn thảo đã cố gắng minh giải vấn đề với câu: "Hiệp nhất với Thủ Lãnh (là Giáo Hoàng Roma), Giám Mục Đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giáo Hoàng". Như vậy phải chăng có hai quyền bính tối cao và trọn vẹn trong Giáo Hội? Làm sao có thể thế được? Bản phúc trình chính thức đã trả lời: "Vấn nạn sẽ không còn một khi lưu ý là trong Giáo Hội không phải có hai nhưng chỉ một quyền bính mà Chúa Kitô đã trao ban cho toàn thể Tông Đồ Đoàn, cho cả Phêrô lẫn các Tông Đồ. Chúng ta cũng nhận rằng quyền bính ấy thuộc về một mình Giáo Hoàng, và được thực thi trên các Giám Mục chỉ có trong thường năng; muốn có trong hiện năng phải tùy thuộc vào Giáo Hoàng. Như vậy, Giám Mục Đoàn không hạn chế quyền tối cao của Giáo Hoàng; nhưng chỉ thừa nhận và chuẩn y cho chức vị Giám Mục theo tư tưởng của Giáo Hội sơ khai: được phong chức Giám Mục là được tham dự thường năng vào quyền hành Chúa Kitô, để khi được Giáo Hoàng mời gọi, các Giám Mục có thể thực thi quyền hành đó ở hiện năng trong cả Giáo Hội.

Để lưu ý đến những dự liệu này và những dự liệu của chú thích sơ khởi, chúng ta nên phân biệt:

- Quyền hành (để điều khiển Giáo Hội) nơi Giám Mục Đoàn hiệp thông với Giáo Hoàng, là một vị trong đoàn với tư cách thủ lãnh.

- Sự thực thi (tối cao, trên toàn thể Giáo Hội) quyền hành đó đòi phải được Giáo Hoàng mời gọi, đòi phải hiệp thông hữu hiệu với Ngài hoặc ít nhất không chống lại Ngài.

- Sự chỉ định pháp lý (theo giáo luật), theo đó Giáo Hoàng trao phó cho một Giám Mục một lãnh thổ hay một nhiệm vụ và ban quyền tham dự vào trách nhiệm tập đoàn trên toàn thể Giáo Hội.

(3) Trong thực tại Giám Mục Đoàn và trong sự thực thi quyền hành tập đoàn, toàn thể hàng giáo phẩm phải phục vụ cho việc hiệp nhất Dân Chúa. Giáo Hoàng là người gìn giữ việc hiệp nhất đó cả trên bình diện cơ cấu lẫn bình diện pháp lý và cai trị. Với các Giám Mục, thì Giám Mục Đoàn chính là dấu hiệu của việc hiệp nhất này trong Giáo Hội, được đảm bảo qua sự hiệp thông tập đoàn và qua những mối tương giao huynh đệ trong hàng Giám Mục.

(4) Sự thực thi quyền Giám Mục Đoàn: quyền hành tối cao của Giám Mục Đoàn được thực thi bằng hai cách: trong Công Đồng Chung do Giáo Hoàng triệu tập (hoặc ít nhất được Ngài chấp thuận); ngoài Công Đồng, do các Giám Mục rải rác khắp hoàn cầu khi được Giáo Hoàng mời gọi thực thi một việc có tính cách tập đoàn.

30 Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý Pastor aeternus: Dz 1821 (3050t).

31 Xem T. Cyprianô, Epist. 66, 8: Hartel III, 2, trg 733: "Giám Mục trong Giáo Hội và Giáo Hội trong Giám Mục".

[VỀ MỤC LỤC](#)

TIN CHÚA LÀ: TIN, SỐNG, VÀ CHIA SẺ CHO NHAU LÒNG TỪ BI THƯƠNG XÓT CỦA CHA TRÊN TRỜI

Anh chị em rất thân mến,

1. Trọng tâm của lòng tin Chúa. Tin Chúa, trước hết là tin Thiên Chúa là Cha giàu lòng từ bi thương xót đối với loài người. Là tin Đức Giêsu Kitô Con Thiên Chúa làm người, là hiện thân của lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa. Là tin Chúa Thánh Thần là suối nguồn lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa.

Tin Chúa, cơ bản trong thực tế cuộc sống, còn là tin rằng : do và nhờ lòng Chúa thương xót vô biên ban mọi ơn lành, mọi người, mọi gia đình mới có được như ngày hôm nay. Với niềm tin đó, người tín hữu đi hành hương trong Năm Đức Tin, có thể khám phá nhiều dấu ấn của lòng Chúa thương xót, theo dòng lịch sử, trải dài trên đời sống gia đình nhân loại trong thế giới hôm nay.

2. Những dấu ấn trên Thánh địa. Thánh địa ghi lại dấu ấn những điều kỳ diệu lòng Chúa thương xót đã thực hiện trong lịch sử, vì sự sống của gia đình nhân loại :

- Con Thiên Chúa nhập thể làm người, khiêm tốn chia sẻ phận người,
- dấn thân loan truyền Tin Mừng cứu độ, phục vụ cho sự sống con người, chữa lành bệnh tật, làm cho người mù được thấy, kẻ què được đi, phục hồi sự sống cho người chết, hóa bánh ra nhiều nuôi nhiều ngàn người,
- yêu thương đến cùng, yêu đến độ chấp nhận khổ hình và cái chết tủi nhục trên thập giá,
- phục sinh vinh hiển, mở đường cho người người đi đến cội nguồn sự sống mới của Chúa Giêsu Phục Sinh, sự sống dồi dào chan hòa ánh sáng chân lý, yêu thương, bình an...

3. Những dấu ấn ở những nơi Thánh Mẫu Maria hiện ra. La Vang, Lộ Đức, Fatima, là những nơi ghi lại dấu ấn Thánh Mẫu Maria cộng tác với Đấng Cứu độ mang lòng Chúa thương xót đến ủi an, nâng đỡ, ban bình an cho nhiều người, đặc biệt người lâm cảnh khó khăn, giúp mọi người vững tâm tiến bước theo Chúa Giêsu trên con đường tình yêu dẫn đến nguồn sống dồi dào chan hòa ánh sáng chân, thiện, mỹ, trong Nước Chúa.

4. Những dấu ấn tại Roma, trung tâm của Giáo Hội được Chúa Giêsu thiết lập. Roma là nơi ghi lại dấu ấn các vị thi hành sứ vụ Phêrô mở rộng Nước Chúa là cõi trời mới đất mới chan hòa ánh sáng chân lý, yêu thương và an bình, tỏa sáng lòng Chúa thương xót đối với con người. Cụ thể Đức Giáo Hoàng Phanxicô, với con tim chan chứa lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa, gặp gỡ và đồng cảm với cảnh ngộ người cùng khổ, bị loại trừ. Ngài dùng sức mạnh của lòng Chúa thương xót, khiêm tốn phục vụ cho sự sống mới cùng niềm hy vọng mới của mọi người trong thế giới hôm nay...

5. Lòng từ bi thương xót của Thiên Chúa và quyền lực trong xã hội loài người. Người trẻ hôm nay chỉ cho tôi thấy có hai thứ quyền lực trong xã hội, quyền lực cứng và quyền lực mềm.

"**Quyền lực cứng**" là quyền lực dùng sức mạnh áp đặt của uy quyền cùng luật lệ, thúc ép con người làm điều quyền lực cứng mong muốn. Quyền lực cứng tạo ra thế đối đầu, không mở đường cho đối thoại và hợp tác xây dựng. Do đó, quyền lực cứng làm cho con người sợ, khép lòng lại, tránh né, hoặc theo bản năng tự vệ cùng lòng tham sân si phản ứng chống trả...

"**Quyền lực mềm**" là quyền lực dùng sức mạnh hấp dẫn, lôi cuốn, của lòng từ bi thương xót, mở rộng sự đồng cảm và tình liên đới, cùng nhau tiến bước đi đến niềm hy vọng mới, hy vọng chung sức phát triển toàn diện và vững bền sự sống con người, chung lòng chung ý xây đắp nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương chan hòa ánh sáng chân, thiện, mỹ, cho xã hội chỉ bận tâm với cơm áo gạo tiền, bận tâm với khuynh hướng thụ duy vật chất hôm nay.

6. Sống niềm hy vọng mới trong thế giới hôm nay. Con người sống niềm hy vọng mới, là người vững tin vào Thiên Chúa tình yêu, luôn gắn bó với nguồn chân, thiện, mỹ, thường

xuyên mở rộng lòng tin đón nhận lòng Chúa thương xót, sống và chia sẻ lòng từ bi thương xót trong gia đình, trong cộng đoàn, trong Giáo Hội và xã hội, đặc biệt đối với người sống trong hoàn cảnh khó khăn với nhiều thách đố trong xã hội hôm nay.

Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô lưu ý, người không làm theo Lời Chúa dạy yêu thương nhau, yêu thương mọi người, yêu thương cả kẻ địch thù chống đối mình, thì dễ chạy theo sự xúi giục của tà thần, dễ chạy theo khuynh hướng hưởng thụ những thú tự do của văn hóa sự chết, tự do ly dị, tự do phá thai, tự do đồng tính, tự do đấu tranh chống đối nhau, kết án nhau, loại trừ nhau.

7. Chuyên cần cầu nguyện cho nhau. Tôi ước mong mọi người không ngừng cầu nguyện cho nhau, cho tôi, xin Chúa Thánh Thần trợ giúp chúng ta sống trọn vẹn hồng ân đức tin, chia sẻ cho nhau lòng Chúa thương xót vô biên, kiên vững trong niềm hy vọng mới, chung sức xây đắp nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương cho xã hội đất nước hôm nay.

Gioan B. Phạm Minh Mẫn
Hồng Y Tổng Giám mục

VỀ MỤC LỤC

BÌNH AN CỦA CHÚA (BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁC NỮ TU DÒNG KÍN - CARMEL PHÚ CƯỜNG)

Chúa Giêsu, trong nhà tiệc ly, trước khi chia tay các môn đệ của Người để vào thụ nạn, đã phán: **“Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban BÌNH AN CỦA THẦY cho các con. Thầy ban cho các con không như thế gian ban tặng”** (Ga 14,27). Bình an của Chúa là hồng ân mà không ai trong chúng ta không cần đến. Vậy, chúng ta hãy cùng suy tư về ơn bình an của Chúa khởi đi từ những cảm nghiệm nơi chính bản thân mình.

I. CẢM NHẬN BÌNH AN CỦA CHÚA.

Thật lòng mà nói với nhau, nhiều khi chúng ta đã than thân trách phận. Gặp một chút phiền toái, tự nhiên chúng ta bực dọc. Thấy mình kém tài hơn người khác, chúng ta không vui. Thấy mình thua thiệt người xung quanh điều gì, bản thân thất vọng về mình. Thấy người này người nọ làm được chuyện này chuyện kia to tát, ta để bị quan cho mình...

Bởi không chấp nhận bản thân, cuộc sống chúng ta nhiều lúc không hạnh phúc. Không hạnh phúc, không phải Chúa keo kiệt hạnh phúc với ta, nhưng chỉ do ta vô ơn với hạnh phúc Chúa ban. Vì yêu mình cách sai trái, yêu mình bằng cái nhìn bi quan, ta không nhận ra nơi mình, nơi cuộc đời mình có quá nhiều thứ để cảm tạ Chúa, để yêu Chúa, để yêu con người. Không nhìn thấy hồng ân của Chúa trên chính sự sống của mình, ta dễ căng đỗi với bản thân. Không nhận ra hạnh phúc, thì cũng không có hạnh phúc. Không có hạnh phúc, cuộc sống luôn vắng nụ cười, chỉ toàn cau có, gắt gỏng...

Tôi từng đọc Thánh vịnh 77: *“Phải chăng Chúa ruồng bỏ đến muôn đời, chẳng bao giờ còn đủ lòng thương đoái? Tình yêu Chúa phải chăng nay cạn hẳn, và thánh ngôn chấm dứt đời đời?”*

Hay Thiên Chúa đã quên thương xót, vì giận hờn mà khép kín từ tâm?” (Tv 77, 8-10), mà quay quắt, mà xót xa cho bản thân. Lời Thánh vịnh, lẽ ra phải là lời cầu nguyện trong đức tin, trong lòng mến, thì tôi đã từng biến nó thành lời than thở, dù vẫn cầu nguyện, nhưng hình như cầu nguyện trong cay đắng.

Bản thân chúng ta có thánh thiện không, không ai dám chắc. Chỉ Chúa biết. Nhưng hình như Chúa đã xoay cái nhìn của tôi về hướng tích cực hơn. Nhờ những người đau khổ mà tôi phục vụ, cho tôi thay đổi cái nhìn, từ ngày ấy, tôi nhận ra bình an của Chúa ban cho mình tràn ngập. Tôi thấy mình hạnh phúc. Cuộc sống của mình trải đầy thảm đỏ, vậy mà nhiều lần mình còn tủi phận, muộn phiền.

Cũng phải cảm ơn các chị em, mỗi khi các chị em nói rằng, con sẽ đồng hành với cha, con cầu nguyện cho giáo xứ..., các chị em đã giúp tôi biết suy nghĩ tích cực hơn, biết hướng về người khác hơn, biết đặt mình nơi người khác hơn.

Mỗi khi các chị em quỳ xuống xin tôi ban phép lành của Chúa, là mỗi lần tôi phải giật mình, tự hỏi, chính tôi đã có phép lành của Chúa nơi bản thân mình chưa? Ai có phép lành của Chúa, người đó sẽ có bình an nội tâm sâu thẳm. Nhìn lại mình, thấy còn nhiều vướng bận quá. Hình như đó là dấu hiệu mình chưa có bình an của Chúa. Vậy rồi tôi lại cầu nguyện, lại phải ăn năn tội, lại suy tư nhiều hơn về những gì mình đã sống, đã thể hiện... Mong bình an của Chúa phủ đầy trên tôi. Mong bình an của Chúa lọt vào tận hồn tôi. Bởi nếu không, tôi chỉ là cái máy, chứ không phải là người ban bình an của Chúa đúng nghĩa. Vì nếu một linh mục không có bình an, thì làm sao có thể trao ban bình an cho ai khác?

Như ánh nắng trải rộng, chiếu soi mọi nơi. Nhưng ta đóng chặt cửa nhà, ánh nắng không thể lọt vào nhà. Bình an của Chúa là ánh nắng rộng rãi ban phát. Bình an của Chúa luôn tươi gọi chan chứa. Bình an của Chúa luôn có sẵn và chảy tràn trề. Nhưng như cánh cửa nhà đóng kín, lòng ta cũng đóng kín bởi còn đó nhiều tham vọng, còn nhiều nhen nhúm của thói hư tật xấu, còn nhiều những mầm mống của tội lỗi..., do vậy, bình an của Chúa không thể lọt vào hồn ta. Bình an của Chúa đã có sẵn nhưng lòng ta không đủ điều kiện đón nhận. Vì thế, mãi mãi, ta vẫn đứng ngoài ơn bình an của Chúa. Cũng chính vì thế, đau khổ trong ta vẫn hoài đau khổ, mà không hề cảm nếm một chút ngọt ngào nào. Tội nghiệp biết bao nhiêu cho người giàu có mà không biết mình giàu có, không hề được hưởng nhờ sự giàu có của mình...

Vậy ta cần khám phá bình an của Chúa từng ngày. Có như thế, ta sẽ thấy mình sống vui hơn, thanh thản hơn.

Với bản thân, bây giờ, khi đọc lời Thánh vịnh 77, tôi không còn thấy lời Thánh vịnh như chỉ nói về mình cách căng thẳng nữa. Nhưng nhờ lời Thánh vịnh, tôi đặt mình vào những đau khổ của từng anh chị em mà cầu nguyện cho họ, mà yêu thương họ, và phục vụ họ cách nhiệt tâm hơn... Tôi biết ơn quá đối những người đau khổ mà tôi phục vụ. Chính họ đã tặng tôi niềm vui.

Chính họ cho tôi thấy bình an của Chúa. Chính họ giúp tôi vui sống, vui tin yêu, vui đón nhận, vui thi hành trách vụ trong thánh chức của mình từng ngày. Anh chị em đau khổ mà tôi đang phục vụ là ân nhân của tôi.

II. BÌNH AN CỦA CHÚA NƠI CÁC CHỊ EM.

Bình an của Chúa không ở ngoài tầm tay chúng ta, nhưng đang cư ngụ nơi tâm hồn mình. Nếu bót nhìn vào mình theo nghĩa chỉ có mình là độc chiếm, là trên, là nhất, chúng ta sẽ vui với khả năng Chúa ban, dù khả năng đó nhiều hay ít, lớn hay nhỏ... Nếu bót một chút ích kỷ cho bản thân, bót một chút tính toán vụ lợi tư riêng, chúng ta sẽ thấy ơn bình an của Chúa tuôn đổ trên bản thân mình còn nhiều hơn, còn lớn hơn những gì ta có thể tưởng nghĩ.

Tôi thấy nơi ngôi nhà này có bình an. Có thể bên trong lòng từng người, bên trong nội bộ của đời sống chung của cộng đoàn, tôi không thể hiểu hết. Nhưng với những con người mà ngày nào cũng đến gần Chúa, cũng đều phủ phục trước Thánh Thể Chúa, cũng suy niệm Lời Chúa, và đặt việc chiêm niệm lên hàng đầu, trở thành linh đạo riêng mình, như một đặc sủng đặc thù, thì không thể nói rằng không có bình an của Chúa.

Bằng chứng, nhiều người nói: Các Soeurs dễ thương quá. Các Soeurs vui tính quá. Các Soeurs hồn nhiên quá... Các chị em đừng vội cười. Phải có bình an của Chúa, mới có thể toát ra cái chất dễ thương, vui tính, hồn nhiên ấy. Đừng từ chối lời khen ngợi của người khác, nhưng hãy thật lòng đón nhận.

Một mặt, ta phải chân nhận rằng, bình an ấy là một phần của ơn Chúa, nhưng cũng có một phần do nỗ lực của ta, dù ít, dù nhiều. Hãy cảm tạ Chúa, vì Chúa ban cho ta ơn bình an của Chúa, để người khác có thể thấy được, và khen ngợi.

Mặt khác, nếu thấy mình chưa xứng đáng trước lời ngợi khen, ta hãy cố gắng mà sống cho xứng đáng hơn. Hãy biến mình thành dụng cụ mang bình an của Chúa đến cho tha nhân. Hãy cầu nguyện cho chính chúng ta, để từng người trong chúng ta thực sự cảm nếm bình an của Chúa.

Dĩ nhiên, mỗi người trong chúng ta, đã bước vào con đường luyện tập nên thánh, lúc nào cũng phải chiến đấu để giành lấy sự thánh thiện của Chúa. Có lúc ta cảm thấy mệt mỏi. Có lúc thử thách như quá sức chịu đựng của mình. Có lúc như mình đang rơi vào vực thẳm do bị hiểu lầm, bị căm dỗ bỏ cuộc, bị chối từ, bị xúc phạm... Nhưng hãy tin rằng, Chúa luôn nâng đỡ ta. Người không bỏ rơi những ai Người tuyển chọn. Hãy tin vững chắc, tin một cách đĩnh ninh: Không bao giờ Chúa xô chúng ta ra khỏi ơn bình an của Chúa. Ngược lại, nếu có lúc ta đại khờ, đánh mất bình an của Chúa, không những Chúa không bỏ rơi, mà Người còn ôm ấp, chở che đem ta về với sự bình an như người chủ cố đi tìm cho được con chiên chạy xa bầy, tìm được, ông vác lên vai đem về vậy (x. Lc 15, 4-7).

Chiêm ngưỡng thánh giá Chúa Kitô nơi những anh chị em đau khổ, giúp ta sống tinh thần phó thác. Ai càng phó thác, sẽ càng nhận được ơn bình an của Chúa. Chúng ta tự hỏi, tại sao kẻ không còn gì đáng sống, không còn gì để mà đam mê cuộc sống, lại cứ sống, cứ muốn vươn lên giành lấy sự sống? Còn ta, được Chúa ban quá nhiều, sao lại cứ bi quan, cứ sống như chẳng nhận từ Chúa hồng ân nào? Càng quay quắt với chính mình bao nhiêu, ta càng chứng tỏ mình vô ơn với hồng ân Chúa bấy nhiêu. Ta phải tự tra vấn mình. Tự tra vấn để trong bất kỳ biến cố đau thương nào, ta cũng sẽ yêu mến chính hồng ân Chúa ban và yêu mến chính sự sống là hồng ân quý giá nhất trong đời làm người của mình, mà trân, mà quý, mà nâng, mà niu nó. Hãy nhớ lời Chúa Kitô: *“Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: ngay cả vua Salômôn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quăng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em... Cha anh em trên trời thừa biết anh em cần tất cả những thứ đó. Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho”* (Mt 6, 27-30. 32-33). Lời dạy đó giúp ta phó thác vào Chúa, để Chúa định liệu và quang phòng tất cả nơi ta theo thánh ý Chúa. Một khi đã ngã mình vào tay Chúa trong phó thác, bình an của Chúa sẽ theo ta mãi mãi.

Hãy nhớ, Chúa Kitô không hủy bỏ thánh giá nơi cuộc đời con người, nhưng Người cùng với con người vác thánh giá. Con Thiên Chúa không xóa bỏ đau khổ gặm nhấm con người, nhưng Người lại ban cho họ sức mạnh để vượt lên những đau khổ. Chúng ta sẽ có thánh giá. Và chúng ta cũng sẽ luôn có Chúa nơi cuộc đời mình. Chỉ cần ta phó thác vào Chúa để đón lấy bình an của Chúa là đủ.

Vậy, chúng ta hãy cảm tạ Chúa, vì Chúa luôn chăm sóc ta. Và bình an của Chúa, Chúa vẫn ban tràn đầy trên từng người chúng ta:

“Lạy Đức Chúa là Vua, con xin cảm tạ Ngài, ca ngợi Ngài là Thiên Chúa, Đáng cứu độ con. Con cảm tạ danh Ngài.

Nhờ uy danh cao cả, và chiếu theo lòng lân tuất vô biên của Ngài, Ngài đã giải thoát con khỏi những kẻ rình cắn xé con, chực nuốt trứng, khỏi tay những kẻ tìm hại mạng sống con, khỏi bao khốn quẫn con hứng chịu.

Ngài đã đoái nghe lời con cầu khẩn, vì đã cứu con khỏi diệt vong, và giải thoát con khỏi thời tai họa. Bởi thế, con xin cảm tạ và ca ngợi Ngài, và xin chúc tụng danh Đức Chúa” (Hc 51, 1.3.11-12).

Thứ hai ngày 13.5.2013

Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA

Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

Lời Mời gọi của HĐGMVN:

Giáo Hội tại Việt Nam phải “phát động chương trình mỗi gia đình một cuốn Kinh Thánh được đặt nơi xứng hợp, cổ võ đọc và cầu nguyện với Lời Chúa”, khuyến khích học thuộc lòng những đoạn Kinh Thánh cốt yếu. Mọi thành phần Dân Chúa, giáo dân, chủng sinh, tu sĩ và các mục tử, cần tập thói quen đọc và suy niệm Lời Chúa hằng ngày, đặc biệt theo phương thức Lectio divina. (Thư Chung của HĐGMVN, ngày 1.5.2011, số 11)

Xin giới thiệu cho nhiều người thân tham gia Gia Đình Lectio Divina Lecdiv@gmail.com để có thể hiệp thông với nhau trong đời sống cầu nguyện và cùng giúp nhau thực hành "điều cần thiết nhất trong mọi điều cần thiết". Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang, sẽ cầu nguyện lâu dài cho tất cả những ai trung thành thực hành và cổ võ việc thực hành Lectio divina.

Mọi thắc mắc về Lectio divina, xin gửi email cho cha Bảo Tịnh, O.Cist fr.baotinh@yahoo.fr

Tác Phẩm: **MỘT VỊ THIÊN CHÚA NGỒ LỜ!**
Thiên Chúa tỏ mình cho con người thế nào?

Nguyên tác:
Michel HUBAUT
UN DIEU QUI PARLE!
Comment Dieu se révèle-t-il à l'homme?

Chương: 18

HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA

Hiến Chế tín lý về Mạc Khải của Thiên Chúa (Dei Verbum), được Công Đồng Va-ti-ca-nô ban hành ngày 18 tháng 11 năm 1965, đã không gây chú ý cho các tín hữu công giáo bằng Hiến Chế về “Giáo Hội trong thế giới ngày nay” (Gaudium et Spes). Tuy nhiên theo các nhà phân tích, Hiến Chế này lại được coi như là linh hồn của Công Đồng, qua việc trở về nguồn mạch của đức tin: sự mạc khải của Thiên Chúa.

Và nếu bản văn này vẫn chưa thực sự trả lời cho những vấn nạn mà Luther nêu lên vào thế kỷ XVI về Mạc Khải và việc thông truyền mạc khải, thì cũng đã có một khúc quanh nhất định. Và sự trở về với nguồn mạch của Mạc Khải này sẽ làm sống động tất cả các chiều kích khác của đời sống dân Chúa: mục vụ, chú giải, thần học, phụng vụ, sứ vụ và ngay cả vấn đề đại kết.

Mạc Khải là một cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người hơn là một bài thuyết trình về tín lý

Ngay từ vào đề, Hiến Chế viết:

“Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Ngài (...). Trong việc mạc khải này, với tình thương chan chứa của Ngài, Thiên Chúa vô hình ngỏ lời với loài người như với bạn hữu. Ngài đối thoại với họ để mời gọi và đón nhận họ chia sẻ cuộc sống của chính Ngài (...). Công cuộc mạc khải này được thực hiện bằng các hành động và lời nói liên kết mật thiết với nhau” (số 2).

Như vậy, trong Hiến Chế tín lý này Công Đồng rời bỏ một loại ngôn từ khép kín và quá chuyên về ý niệm, để quyết tâm tiếp nhận một thứ ngôn ngữ năng động. Mạc Khải được xét như Lời sinh động của Chúa hằng sống, nói với Giáo Hội sống động, gồm các phần tử sống động. Mạc Khải không là một toàn bộ những chân lý trừu tượng cần tiếp nhận bằng lý trí, nhưng bằng một đối thoại liên quan tới trái tim con người hơn là trí tuệ, một cuộc đàm thoại giữa một người Cha và con cái mà Người yêu thương, cho tham dự vào sự sống vĩnh cửu của mình.

Nếu cho rằng Mạc Khải là hoạt động giải phóng của Chúa, được thực hiện trong lịch sử bởi Lời của Người, chúng ta sẽ dễ phân biệt giữa điều là “chân lý mạc khải”, và điều được Giáo Hội soạn thành tín điều.

Chúa Giê-su Ki-tô, Ngôi Lời nhập thể, là hoàn thành lịch sử của Mạc Khải

Thiên Chúa không tự mạc khải mình qua một bài thuyết trình triết lý về Hữu Thể tối cao, nhưng Người đi vào trong thông hiệp với chúng ta, trải qua lịch sử của dân Kinh Thánh, và nhất là qua biến cố Giê-su Ki-tô, Ngôi Lời nhập thể của Người.

“Sau khi phán dạy nhiều lần, nhiều cách qua các Tiên Tri, nay là thời cuối cùng, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua Chúa Con” (Hr 1, 1-2). Thực vậy, Ngài đã sai Con Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng sáng soi mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ nghe những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Ga 1, 1-18)” (số 4).

“Nhờ mạc khải này, chân lý thâm sâu về Thiên Chúa cũng như về phần rỗi con người, được sáng tỏ nơi Chúa Ki-tô, Đấng trung gian, đồng thời là sự viên mãn của toàn thể mạc khải” (số 2).

Lịch sử theo Kinh Thánh đã cho thấy Thiên Chúa tự mạc khải mình như thế nào, Người đi vào đối thoại với dân của Người ra sao, trải qua các biến cố lịch sử của dân, đã được đọc và giải thích bởi những con người được Thánh Linh linh hứng: Áp-ra-ham, Mô-sê, các ngôn sứ.

Hiến Chế nhấn mạnh tính đồng nhất của Giao Ước Thứ Nhất và Tân Ước nơi Chúa Giê-su Ki-tô. Trong Giao Ước Thứ Nhất, Thiên Chúa tự mạc khải mình cách tiệm tiến, nhất là qua các ngôn sứ:

“Thiên Chúa đã dùng lời nói, việc làm mạc khải cho dân Ngài đã chọn để họ biết Ngài là Thiên Chúa độc nhất, chân thật và hằng sống, để Ít-ra-en nghiệm thấy đâu là đường lối Thiên Chúa đối xử với loài người, và để nhờ chính Ngài phán dạy qua miệng các Tiên Tri, ngày qua ngày, họ thấu hiểu các đường lối ấy cách sâu đậm và rõ ràng hơn. Vì vậy chương trình cứu độ được các thánh sử tiên báo, thuật lại và giải thích trong các sách Cựu Ước như là lời nói chân thật của Chúa. Bởi vậy các sách được Thiên Chúa linh ứng này luôn có một giá trị vĩnh viễn (...). Lý do sự hiện hữu của chương trình cứu rỗi thời Cựu Ước, là để chuẩn bị và tiên báo ngày xuất hiện của Chúa Ki-tô, Đấng Cứu Chuộc muôn loài và ngày khai nguyên nước Thiên Sai (...) trình bày cho mọi người biết Thiên Chúa là ai và con người là ai. “Tuy có nhiều khuyết điểm và tạm bợ, nhưng các sách ấy minh chứng khoa sự phạm đích thực của Thiên Chúa” (số 14 và 15)

Trong Chúa Giê-su Ki-tô, Ngôi Lời của Thiên Chúa, Giao Ước hóa thân làm người, Lời có một khuôn mặt. Hơn bao giờ, sự mạc khải của Thiên Chúa trước hết không là một diễn văn nhưng là một biến cố lịch sử. Chúa Giê-su Ki-tô mạc khải Thiên Chúa qua cách thế Người sinh ra, sống và chết không khác gì qua các lời Người nói. Sự Mạc Khải vừa là các sự kiện, cử chỉ, các hành động và vừa là những lời soi sáng lẫn cho nhau.

Mạc Khải trước hết không phải được coi như một sự dạy bảo về các học thuyết được huấn quyền chuyển trao, nhưng như một cuộc gặp gỡ cá nhân của Thiên Chúa Cha qua trung gian sự sống của Chúa Ki-tô và sự sống của Thánh Linh. Đó là một thay đổi quan trọng về viễn tượng để đối thoại đại kết. Bởi vì, theo sự trình bày truyền thống của thần học công giáo, người ta lẽ ra có thể chờ đợi tìm thấy (trong Hiến Chế này), trước tiên, một mục về Giáo Hội nhận và chuyển trao Mạc Khải, và chỉ sau đó mới đến một mục về niềm tin cá nhân tiếp nhận Mạc Khải.

Và thực tế, thì chính sự tiếp nhận của niềm tin cá nhân đã được bàn đến trước nhất trong Hiến Chế này. Nỗi lo, được biện minh hay không, về tính chủ quan và nghiên cứu tự do đã trở thành quen đối với Giáo Hội Công Giáo khi nói đến tiếp nhận Mạc Khải bằng hạn từ lụy phục quyền bính hơn là bằng hạn từ niềm tin cá nhân. Công Đồng, thoát khỏi tinh thần luận chiến đối với Tin Lành, đầu tiên trình bày ngay về niềm tin cá nhân tiếp nhận mạc khải của Thiên Chúa như thế nào:

“Phải bày tỏ "sự vâng phục của đức tin" (x. Rm 16,26; Rm 1,5; 2 Cor 10,5-6) đối với Thiên Chúa mạc khải. (...). Để được niềm tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đi trước giúp đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần: Ngài thúc đẩy và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và làm cho "mọi người cảm thấy dịu ngọt khi đón nhận và tin theo chân lý". Và để việc hiểu biết mạc khải được sâu rộng thêm mãi, cũng chính Chúa Thánh Thần không ngừng kiện toàn đức tin qua các ơn của Ngài” (số 5).

Không còn là vấn đề tiếp nhận Mạc Khải như một toàn bộ những chân lý cần chấp nhận, nhưng như một tiếp nhận tự do và cá nhân của con người của Chúa. Bởi đức tin, con người không mù quáng khuất phục một quyền bính áp đặt mình, nhưng bởi yêu mến, với lý trí và lòng muốn, tự do tán thành, chấp nhận mạc khải này của Chúa. Tán thành chấp nhận do ơn thánh hỗ trợ trước và do Thánh Linh, Đấng duy nhất có thể giúp đỡ tôi tiếp nhận sự mạc khải này của Chúa.

Các anh em Tin Lành thường nhạy cảm về vai trò của ơn sủng và về Thánh Linh, trong việc sinh trưởng của đời sống đức tin, hoán cải con tim, cởi mở của tâm linh và việc đào sâu sự hiểu biết về Mạc Khải.

Do đấy bản tính của Mạc Khải chính yếu là cá nhân và lịch sử. Và bản văn Hiến Chế nhấn mạnh đến tính cách năng động của Lời Chúa, là Lời công bố sự sống, sự sống vĩnh cửu của Chúa Ki-tô. Chính Công Đồng cũng đặt mình trong trạng thái lắng nghe và công bố Lời Chúa. Ở đây Công Đồng cắt đứt với cách bàn đến vấn đề này của Giáo Hội Rô-ma đôi khi chỉ thuần nhất nhắm vào tín lý.

Mục tiêu của Mạc Khải chính là kết hợp con người với Thiên Chúa trong một cuộc sống thông hiệp giữa những người sống. Đó có nghĩa là nói rõ đức tin Ki-tô giáo chủ yếu đặt trên sự tiếp nhận Lời mạc khải này như thế nào. Nói như thế, ngược lại với một số ý tưởng cho rằng, Giáo Hội tông đồ và các Giáo Phụ đã không cấm giáo dân Ki-tô giáo đọc Sách Thánh. Tuy nhiên, ít ra cho tới khi việc in ấn can thiệp vào, vẫn đã có ít là hai rào cản quan trọng làm cho các ki-tô hữu khó tiếp cận Kinh Thánh: giá cả của Sách (*mỗi thủ bản Phúc Âm chép tay bằng giá một con ngựa*) và ngôn ngữ. Đại đa số giáo dân đều không biết đọc, và tất cả văn chương, dù là thế tục, đều được truyền thông bằng tiếng la-tinh. Do đấy chỉ có một số người được ưu tuyển và giàu có, mới đủ khả năng tiếp cận Sách Thánh được viết bằng tiếng la-tinh. Từ sự kiện này, việc học hỏi và chú thích về bản văn từ khá lâu đã chỉ là công việc dành riêng cho

hàng giáo sĩ và các đan sĩ. Chỉ từ thế kỷ XII người ta mới bắt đầu tìm thấy ở Pháp những bản dịch các sách Phúc Âm, sách Thánh Vịnh, sách Khải Huyền và vài sách lịch sử của Giao Ước Thứ Nhất bằng tiếng phổ thông.

Chính sau cuộc cải cách của Luther và với câu nói thời danh của ông: “Sola Scriptura” (“Chỉ duy Kinh Thánh”) mà Giáo Hội la-tinh Rô-ma mới căng thẳng, khép mình lại. Và Công Đồng Tri-đơn-ti-nô, đứng trước nỗi nguy giải thích Kinh Thánh cách quá tự tiện cá nhân, mới nhắc rằng Kinh Thánh không là tư sản của một nhóm, mà Kinh Thánh chỉ có thể được đọc trong Giáo Hội. Giáo quyền (giáo hoàng và các giám mục kế vị các tông đồ) là đảm bảo của việc giải thích của Giáo Hội.

Trong thực tế, bởi nỗi lo đi trệch đường và giải thích quá chủ quan, người ta đi đến việc tạo đặc quyền về Mạc Khải, và hạn chế tối đa các cá nhân ki-tô hữu tiếp cận với Kinh Thánh. Kết quả đã gây nên sự nghèo nàn và kém hiểu biết về Lời Chúa giữa lòng dân Chúa. Ông bà chúng ta trước đây chỉ nghe Lời Chúa vào ngày Chúa Nhật, và lại còn nghe cách gián tiếp và qua những chú giải, thường nghiêng về luân lý, của các linh mục trong giáo xứ, bởi vì Kinh Thánh được đọc bằng tiếng la-tinh mà tuyệt đại đa số giáo dân không thể hiểu.

Từ trước Công Đồng, nhiều cố gắng thử nghiệm đây đó trên toàn nước Pháp: đọc bản văn bằng tiếng Pháp trong thánh lễ, thích nghi phụng vụ, các nhóm học hỏi Kinh Thánh... Tuy nhiên chính Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã là động cơ quyết định cho việc canh tân thực sự trong Giáo Hội la-tinh Rô-ma: “*Phải mở rộng lối vào Thánh Kinh cho các Ki-tô hữu*” (MK số 22). Nếu số 22 của Hiến Chế có nhắc đến bản Septante (Bản LXX) và bản Vulgate (Phổ Thông), cũng đã thêm: “*Giáo Hội như một người mẹ ân cần lo liệu cho các Sách Thánh được dịch ra các thứ tiếng cách thích hợp và đúng đắn, đặc biệt dịch từ nguyên bản*”. (Thôi, từ nay không phải chỉ được đọc bản Phổ Thông của thánh Giê-rô-ni-mô nữa).

Công Đồng còn cầu mong “*mọi Ki-tô hữu có thể sử dụng những bản dịch được thực hiện chung với cả những anh em ly khai*” (số 22). Chính điều này cho phép ấn bản tuyệt vời của “bản dịch đại kết của Kinh Thánh” (tiếng pháp viết tắt là **TOB: Traduction OEcuménique de la Bible**).

Đó sẽ là khởi động của việc gia tăng học hỏi chú giải, của phụng vụ bằng tiếng Pháp (và các ngôn ngữ khác cũng thế), trong đó Lời Chúa được công bố, được hiểu và được chú giải trở thành chính yếu. Mỗi giáo phận thành lập một trường huấn luyện Kinh Thánh cho giáo dân và nhiều giáo xứ rộ lên những nhóm Kinh Thánh, đôi khi là đại kết.

Lời Chúa, nguồn mạch đời sống Giáo Hội và sứ vụ

Lời Chúa được ủy thác cho Giáo Hội phải vang dội trong khắp hoàn cầu, theo lời thánh Augustinô được trích dẫn ngay ở Phần Mở của Hiến Chế: “*để khi nghe công bố ơn cứu độ, toàn thể nhân loại tin theo, để nhờ tin mà hy vọng, và nhờ hy vọng mà yêu mến*”. Mạc Khải của Lời Chúa, là sự sống và thông hiệp trong Chúa Ki-tô và Thánh Linh, không phải chỉ dành riêng cho các ki-tô hữu nhưng cho mọi người.

Trải qua các thế kỷ, thần học công giáo đã có khuynh hướng, nhất là sau thời Kinh Viện, khép kín trong một học thuyết tín lý đầy khái niệm. Hiến Chế mời gọi các thần học gia trước hết và nhất là lắng nghe Lời. Hơn nữa đó lại là một con đường bảo đảm nhất để đối thoại đại kết. “*Nghiên cứu Thánh Kinh phải là linh hồn của Khoa Thần Học Thánh*” (số 24).

Hiến Chế tha thiết mời gọi các mục tử quy chiếu vào Lời được tiếp nhận như lời mời gọi của Cha đi vào đối thoại với từng tín hữu.

“Bởi vậy, mọi lời giảng dạy trong Giáo Hội cũng như chính đạo thánh Chúa Ki-tô phải được Thánh Kinh nuôi dưỡng và hướng dẫn. Thực thế, trong các Sách Thánh, Chúa Cha trên trời bằng tất cả lòng triu mến đến gặp gỡ con cái mình và ngỏ lời với họ” (số 21).

“Lời Chúa còn có một sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Giáo Hội, ban sức mạnh đức tin cho con cái Giáo Hội, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Giáo Hội (...). Lời Thiên Chúa sống động và linh nghiệm” (số 21).

Hiện giờ Thiên Chúa đang hoạt động nhờ Lời trong Kinh Thánh. Hướng dẫn mục vụ mới này chắc hẳn đã canh tân cuộc sống của cộng đồng ki-tô hữu.

“Bởi vậy, mọi lời giảng dạy trong Giáo Hội cũng như chính đạo thánh Chúa Ki-tô phải được Thánh Kinh nuôi dưỡng và hướng dẫn” (số 21).

Nhận thức rõ nét này về chỗ ưu việt của Lời Kinh Thánh là rất quan trọng bởi vì, trong các bản văn chính thức, các thông điệp của các vị Giáo Hoàng mới đây luôn có nhiều trích dẫn Kinh Thánh, như thấy rõ trong những ngày chính Công Đồng nhóm họp, qua các chú thích của nhiều lược đồ được đề nghị cho các nghị phụ tranh luận.

Thông truyền mạc khải của Thiên Chúa

Rõ ràng rằng sự chống Cải Cách, đặc biệt công đồng Tri-đen-ti-nô, thay vì suy nghĩ về những vấn đề Luther đã nêu ra liên quan đến việc thông truyền Mạc Khải, đã phản kháng và lại còn nhấn mạnh hơn đến vai trò của Huấn quyền trong việc thông truyền mạc khải của Thiên Chúa.

Hiền Chế trở lại lý thuyết thời danh về “hai nguồn”, theo đó Mạc Khải được thông truyền, song đôi và đồng hạng, trong Kinh Thánh và trong Thánh Truyền, với sự hỗ trợ của Chúa Thánh Thần.

Truyền Thống này đến từ các tông đồ và tiếp nối trong Giáo Hội, nhờ Chúa Thánh Thần trợ giúp:

“Bởi vậy Thánh Truyền và Thánh Kinh liên kết, phối hiệp mật thiết với nhau vì cả hai phát xuất từ một nguồn mạch là Thiên Chúa, có thể nói kết hợp làm một duy nhất (...). Thực vậy, Thánh Kinh là lời Chúa nói, vì được ghi chép lại dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần; còn lời Chúa, mà Chúa Ki-tô và Chúa Thánh Thần đã ủy thác cho các Tông Đồ, thì Thánh Truyền lưu lại toàn vẹn cho những kẻ kế vị các ngài (...). để nhờ Thần Chân Lý soi sáng, họ trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến qua lời rao giảng. Do đó, Giáo Hội không chỉ nhờ Thánh Kinh mà biết cách xác thực những điều mạc khải” (số 8 và 9).

Tuy nhiên kết luận chương này về việc thông truyền, Hiền Chế đã nói rằng:

“Nhiệm vụ chú giải chính thức lời Chúa đã được viết ra hay lưu truyền chỉ được ủy thác cho Quyền Giáo Huấn sống động của Giáo Hội, và Giáo Hội thi hành quyền đó nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô. Tuy nhiên Quyền Giáo Huấn này không vượt trên Lời Chúa, nhưng để phục vụ Lời Chúa (...) với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và trung thành trình bày Lời Chúa (số 10).

Và trong bản văn này sự kiện không ấn định mối liên hệ “Kinh Thánh – Truyền Thống” mở ra viễn tượng mới rất tích cực cho đối thoại đại kết. Giáo Hội Rô-ma và các Giáo Hội Cải Cách hôm nay có thể lại cùng bàn đến vấn đề tế nhị này của Truyền Thống.

Người ta có thể tiếc rằng bản văn đã không xác định rằng huấn quyền sống động của Giáo Hội không chỉ có Giáo Hoàng nhưng còn là tập đoàn các Giám Mục. Tuy nhiên khái niệm về

một Giáo Hội có công đồng tính mới vừa chớm nở. Và nếu Kinh Thánh từ nay được coi là nền tảng chung của các Giáo Hội, Hiến Chế vẫn còn quá luẩn quẩn với “Truyền Thống của Giáo Hội sơ khai” và những “truyền thống riêng của Giáo Hội Rô-ma và của giáo quyền Rô-ma. Chứng từ lịch sử của các tông đồ và của cộng đoàn tiên khởi chưa được nêu rõ lên như là “qui luật phán đoán” đối với việc thực hành và đối với cuộc sống của Giáo Hội Rô-ma hôm nay.

Vị trí trung tâm của Chúa Thánh Thần

Bản văn của Công Đồng – và đó là điều rất quan trọng – tìm lại vị trí và vai trò chính yếu của Chúa Thánh Thần là ký ức luôn tỉnh thức của dân Chúa. Tất cả các Sách Thánh đều đã được soạn thảo dưới sự *linh hứng của Chúa Thánh Thần* bởi *“những người Thiên Chúa đã chọn và sử dụng khả năng cũng như các phương tiện của họ”*. Thánh Linh linh hứng con người nhưng không chiếm vị trí của con người. “Thánh Linh kết hợp với thần trí chúng ta”, thánh Phao-lô nói như thế.

Hiến Chế nhấn mạnh đến việc chuyên cần tìm kiếm điều mà tác giả Kinh Thánh đã thực sự muốn nói *“bởi vì Thiên Chúa, trong Kinh Thánh, đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy, nên để thấy rõ điều chính Ngài muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh tác giả thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ (số 12).*

Điều đó bảo đảm công việc chú giải trước đây và gạt bỏ cách đọc các bản văn theo chủ nghĩa cơ yếu. Hiến Chế mời gọi chúng ta giải thích Kinh Thánh với lưu ý đến những thể văn chương khác nhau của các tác giả được linh hứng, đến những hoàn cảnh và nền văn hóa của họ.

Chính Chúa Thánh Thần là Đấng đã linh hứng các tác giả này và là Đấng linh hứng các người tin tiếp nhận các bản văn của họ hôm nay. Do vậy chính Người, Thánh Linh, đã làm nên tính đồng nhất và liên kết của Mạc Khải. Và cuối cùng, chính Giáo Hội, trong đặc tính tập đoàn, là người bảo toàn tất cả sự giải thích về Lời Chúa.

Hiến Chế thán phục Đấng Khôn Ngoan vĩnh hằng đã thích ứng với ngôn ngữ loài người. Công Đồng đã không ngần ngại so sánh việc thông truyền Mạc Khải trong ngôn ngữ nhân loại với việc tự hạ của Chúa Ki-tô trong sự nhập thể của Người. *“Vì lời nói của Chúa diễn tả qua ngôn ngữ nhân loại, được đồng hóa với tiếng nói loài người, cũng như xưa lời nói của Chúa Cha Hằng Hữu đã trở nên giống loài người, sau khi nhận lấy sự yếu đuối của xác thịt” (số 13).*

VỀ MỤC LỤC

THÁI LAN: KHÓA HỌC DÀNH CHO NHỮNG NHÀ ĐÀO TẠO TRONG CÁC CHỨNG VIỆN

WHĐ (10.05.2013) – Linh mục có vai trò rất quan trọng trong sứ vụ loan báo Tin Mừng, vì thế, việc đào tạo linh mục là một việc khẩn thiết đối với sự sống còn của Giáo hội. Giáo hội không ngừng đào tạo các linh mục, không chỉ trong giai đoạn ở chủng viện[1] mà còn kéo dài sau khi mãn chương trình chủng viện[2] và suốt quãng đời linh mục trong việc đào tạo trường kỳ[3]. Việc đào tạo linh mục lại tùy thuộc phần lớn vào những nhà đào tạo, nên những nhà đào tạo linh mục cần được huấn luyện để trở nên những người thợ lành nghề.

Quan tâm đến những nhà đào tạo chủng viện, nên từ năm 2001, Tòa Thánh đã mở những khóa học dành cho các nhà đào tạo trong các chủng viện, được tổ chức tại Italia. Tuy nhiên, với mong muốn đem lại nhiều ích lợi hơn nữa cho những nhà đào tạo, nên năm 2013 này, theo đề nghị của Đức Tổng giám mục Bangkok, Francis Xavier Kriengsak Kovithavanij, Chủ tịch Ủy ban

Giám mục về các chủng viện và ợn gọi, khóa học được Hội đồng Giám mục Công giáo Thái Lan tổ chức, dưới sự bảo trợ của Bộ Truyền giáo và sự hợp tác của Viện Đại học Sophia.



Lần đầu tiên tổ chức tại châu Á, khóa học này mang tên *Khóa học dành cho những nhà đào tạo trong các chủng viện*, với chủ đề: *Linh mục trong Giáo hội như sự hiệp thông đối với việc đào tạo toàn diện*. Khóa học diễn ra tại Trung tâm huấn luyện mục vụ Baan Phu Waan (*Baan Phu Waan trong tiếng Thái nghĩa là nơi gieo giống*), thuộc Tổng giáo phận Bangkok, Thái Lan, và kéo dài ba tuần – từ ngày 15 tháng Tư đến ngày 05 tháng Năm 2013.

Baan Phu Waan là một trung tâm lớn, diện tích khoảng 500 ha. Bên trong được xây dựng thành một quần thể kiến trúc: khách sạn, nhà hưu dưỡng, trường học (*trường nam và trường nữ*), tiểu chủng viện, nhà sinh hoạt đa năng, hồ bơi, sân thể thao (*bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt...*). Ở giữa là một hồ nước trong xanh, xung quanh các dãy nhà đều có thảm cỏ xanh, vườn cây lớn nhỏ xen kẽ nhau tạo nên một không gian thoáng đãng, êm đềm. Bước vào trung tâm, con người có cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản bởi khung cảnh tự nhiên hữu tình với bố cục kiến trúc chặt chẽ và hợp lý. Những người phục vụ nơi đây rất nhiệt tình, vui vẻ, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Khóa học dành cho người châu Á, vì thế các học viên đến từ nhiều quốc gia của châu Á. Còn các giảng viên được mời từ các quốc gia khác nhau. Tổng cộng 70 người, cả giảng viên và học viên; gồm có: Italia (4), Australia (1, Việt kiều), Philippines (4), Thái Lan (23), Malaysia (2), Pakistan (4), Myanmar (11), Việt Nam (15), Ấn Độ (3), Lào (1), và Timor-Leste (2).

Nội dung khóa học xoay quanh chủ đề về hiệp thông trong việc đào tạo linh mục, với những gợi ý và chia sẻ, thông qua những bài thuyết trình và làm việc nhóm (*group work*) hay những buổi hội thảo (*workshop*) theo chủ đề từng ngày.

Về việc đào tạo toàn diện, các học viên theo sát những hướng dẫn của Giáo hội trong việc đào tạo linh mục theo bốn chiều kích mà Tông huấn *Pastores Dabo Vobis* đã đề ra: nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ [4].



Các tham dự viên được nghe những kinh nghiệm quý báu từ các chủng viện và các hình thức áp dụng đường hướng của Giáo hội trong hoàn cảnh quốc gia mình đang sống. Đồng thời, trong tình hiệp thông giữa các nhà đào tạo trong chủng viện, những người tham dự còn được sống tình huynh đệ chan chứa yêu thương, đậm tình bác ái. Những câu chuyện dí dỏm bên mâm cơm,

những chuyện vui buồn từ các nhóm chia sẻ hay bầu khí linh thiêng trong các giờ kinh lễ, tất cả đều toát lên tình hiệp thông giữa các nhà đào tạo, tuy có chênh lệch nhau về tuổi tác, có khi là

thầy trò, nhưng tất cả cùng chung một mục đích là làm cách nào để đào tạo nên những thế hệ linh mục cho Giáo hội như lòng Chúa mong ước.

Một trong những hình thức đào tạo linh mục ngày nay là học đi đôi với hành, các tham dự viên ngoài việc học rất nặng nề và chiếm mất nhiều thời gian, ban tổ chức còn sắp xếp để các tham dự viên có thời gian vừa học vừa tham quan giải trí và học hỏi, như xem những *show* trình diễn của voi rất ngoạn mục và hài hước, đặc biệt các tham dự viên rất hồi hộp khi xem *show* biểu diễn giữa người và cá sấu, nguy hiểm và táo bạo. Ngoài ra, các tham dự viên còn được đi thăm ngôi làng văn hóa (*cultural village*). Nơi đây tái diễn những sắc thái văn hóa khác nhau của người Thái, từ cảnh sinh hoạt bình dân cho đến chốn trang nghiêm cung đình; từ phong tục ăn uống thôn dã cho đến nghi thức cưới hỏi trang trọng, với những nghi lễ cầu xin thần linh chúc lành cho đôi uyên ương trong nghi thức rước dâu, ly rượu mừng, động phòng..., hay những màn khiêu vũ độc đáo điêu luyện của các chàng trai cô gái Thái ở phần lễ hội, trong trang phục truyền thống dân tộc, vừa mang vẻ trang nghiêm của lễ, vừa mang nét quyến rũ gợi cảm của hội. Những nét văn hóa đặc trưng của người Thái như được hội tụ nơi đây. Các tham dự viên không chỉ nhìn xem những nét đặc thù của văn hóa Thái, mà còn hiểu hơn về đất nước, con người của người Thái trong việc bảo tồn những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

Kết thúc khóa học, mọi người đều cảm thấy hài lòng, vì được học hỏi những kinh nghiệm quý báu từ các chủng viện, chia sẻ những ưu tư, những trăn trở, khó khăn trong việc đào tạo linh mục. Lần đầu tiên các nhà đào tạo chủng viện ở châu Á có dịp gặp gỡ trong mỗi hiệp thông với nhau để nhìn lại công việc đào tạo của mình. Các ngài sẽ không cảm thấy lẻ loi, đơn độc trong công việc cao cả này, vì bên cạnh mình còn có những người khác thuộc mọi quốc gia đang cùng mình gánh vác trọng trách lớn lao này của Giáo hội.

Bầu khí của những ngày tham gia khóa học là bầu khí hiệp nhất: hiệp nhất trong cử hành, hiệp nhất trong đường hướng đào tạo linh mục, hiệp nhất trong cách làm việc, và đặc biệt hiệp nhất như anh em một nhà.

Chia tay nhau, mỗi người trở về với công việc thường ngày, mang theo những kinh nghiệm được chia sẻ và tình cảm thân thương của những người bạn đồng nghiệp trong ba tuần sống và làm việc với nhau.

[1] X. CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Sắc lệnh *Optatam Totius* (28/10/1965), số 4.

[2] X. nt., số 22.

[3] X. GIOAN PHAOLÔ II, Tông huấn *Pastores Dabo Vobis* (25/03/1992), số 70-81.

[4] X. nt., các số 43-44, 45-50, 51-56, 57-59.

Phêrô Quốc Dững

VỀ MỤC LỤC

TÂN JERUSALEM

Chúa Nhật 5 Phục Sinh
Cv 14:21-27; Kh 21:1-5a; Ga 13:31-33a, 34-35

Nguyễn Tiến Cảnh. MD

Dựa theo chương 21 sách Khải Huyền (21:1-5a), chúng tôi muốn chia sẻ một vài suy tư về thị trấn Thánh Jerusalem và những địa danh quan trọng của nó theo tinh thần Kito giáo.

Thầy cả rabbi có để lại trong kinh sách Talmud Babylone (Kiddushin 49b) một tư tưởng khá lạ lùng là thiên đàng, trần thế và Jerusalem là ba yếu tố chính của linh hồn Do Thái. Thầy còn nói rằng: “*Khi thế giới được tạo dựng, Thiên Chúa cho thế giới 10 phần vui mừng, thì Jerusalem*

được 9 phần; Thiên Chúa cho thế giới 10 phần đẹp để thì Jerusalem được 9 phần; Thiên Chúa cho thế giới 10 phần đau khổ thì Jerusalem chịu 9 phần.”

JERUSALEM: TRUNG TÂM LỊCH SỬ, HÌNH ẢNH CỦA CỨU CHUỘC

Jerusalem là một thị trấn, nơi hội tụ của những vui mừng hân hoan, những lời nguyện cầu và mọi đau khổ của loài người. Đó là thị trấn của những ước mơ có thể thành tựu hoặc bị tan vỡ. Một bản đồ thời Trung Cổ mà có lẽ ai cũng biết cho thấy Jerusalem và đền thờ Solomon nằm ở trung tâm thế giới, giữa các đại lục Âu Châu, Phi Châu và Á Châu được xếp đặt thành hình cánh quạt tỏa ra giống như những cánh hoa vĩ đại. Hình ảnh địa dư như vậy cho thấy một viễn kiến tương lai “cứu chuộc” phát sinh từ Jerusalem. Jerusalem là trái tim của thế giới và trung tâm của lịch sử.

JERUSALEM VUI MỪNG VÀ ĐAU KHỔ

Lịch sử cứu chuộc nói trong kinh thánh nằm giữa hai viễn kiến đã tạo thành thảm kịch loài người từ lúc khởi đầu cho tới lúc kết thúc: Viễn kiến về địa đàng bị mất như đã nói trong sách sáng thế và viễn kiến về một Tân Jerusalem đến từ Thiên Chúa đã được tiên đoán trong sách Khải Huyền. Chúng ta từ Thiên Chúa mà đến thì cuối cùng phải trở về với Thiên Chúa. Hai viễn kiến này là hai tiêu điểm tỏa ánh sáng trên muôn vật hiện diện chung quanh có liên hệ đến lịch sử và số phận của loài người đã được tạo dựng do đau khổ và vui mừng.

JERUSALEM TRONG CỰU ƯỚC

Jerusalem, tự nó đã là một biểu tượng của phần đất được gọi là đất thánh. Thị trấn này là biểu tượng bảo đảm của quyền năng cứu chuộc của Thiên Chúa:

“Jerusalem tứ bề núi đồi bao quanh,”

“Dân Người được Chúa bao bọc muôn đời an vui.” (Tv 125:2)

Tác giả Thánh Vịnh/Vua David đã ca tụng Jerusalem với những lời đầy phấn chấn:

“Lòng tôi phấn khởi hân hoan...khi họ nói với tôi:

‘Nào, chúng ta cùng đi về Nhà Chúa’

“Chân ta dừng bước nơi thành cửa, Ôi Jerusalem!” (Tv 122:1-2)

“Lưỡi ta cứng họng tái tê,

“ Nếu chẳng còn nhớ ra người,

“ Chẳng nâng người lên tuyệt đỉnh niềm vui trong đời.” (Tv 137:6)

Không ai có thể đoán trước được tương lai Jerusalem tài tình hơn Isaiah, một tiên tri kiêm thi sĩ Do Thái. Sau khi tiên đoán thế giới bị tiêu hủy, Isaiah đã cho biết về tương lai cứu chuộc của đáng thiên sai sẽ xảy ra ở đồi Jerusalem. Ông tiên đoán một ngày kia tất cả các quốc gia sẽ kết thúc chiến tranh và cùng nhau tụ họp để có hoà giải sau cùng tại ngọn đồi cao nhất gọi là Zion tức Jerusalem. Từ Zion tức “Ngọn núi Nhà Chúa” luật công lý của Thiên Chúa sẽ được ban hành. Hãy nghe lời tiên tri Isaiah tiên đoán (2:1-5): *“Vào những ngày sắp tới, núi nhà Chúa sẽ được thiết lập trên đỉnh cao nhất trong các ngọn núi. Mọi quốc gia sẽ tuôn đổ về đó, mọi dân tộc sẽ đến và cùng nói, ‘Nào, chúng ta hãy đi lên núi Chúa, nhà của Thiên Chúa Jacob. Người sẽ dạy chúng ta đường lối của Người và chúng ta sẽ đi theo vết chân Người.’ Và từ Zion, Lời Chúa sẽ được ban hành, xuất phát từ Jerusalem.”*

JERUSALEM ĐỐI VỚI KITO HỮU

Tin Mừng thánh Luca và những câu chuyện về Giáo Hội sơ khai trong Công Vụ Tông Đồ do thánh sử viết đã đề cập đến Jerusalem một cách rất tích cực. Tin Mừng Luca khởi đầu và kết thúc đều ở đền thờ Jerusalem. Mở đầu, thánh sử mô tả cảnh sứ thần thông báo Gioan Tiền Hô sẽ ra đời cho ông Zacary, một tư tế lúc đó đang đi vào cung thánh đền Jerusalem để dâng hương tế lễ (Lc 1:10). Tin Mừng kết thúc khi các môn đệ của chúa Giêsu thờ lạy Chúa cũng nơi đền thờ Jerusalem mỗi ngày và đang chờ đợi ơn Chúa Thánh Thần đổ xuống ngày lễ Hiện Linh (Lc 24:52-53).

Còn nhiều ám chỉ khác được nói tới trong sách thánh của Kito hữu thuộc Giáo Hội sơ khai về ý nghĩa tinh thần cao cả của Jerusalem. Thánh Phaolô đã đi vào dân ngoại bằng những thông điệp của Tin Mừng, trong đó gồm có lời kêu gọi giúp đỡ “người nghèo khó” của Giáo Hội ở Jerusalem và Judea. Điều đó có ý nghĩa muốn các thành viên của Giáo Hội gốc Do Thái và dân ngoại phải đoàn kết với nhau, phải có tình bác ái thương yêu nhau. Phaolô còn làm nổi bật Jerusalem thành hai, một Jerusalem bên dưới, hay còn gọi là hạ giới/nô lệ và một Jerusalem bên trên, là thượng giới hay tự do như trong thư ngài gửi cho các tín hữu Galatians, nhưng Jerusalem vẫn là một cái neo tàu, kim chỉ nam quan trọng và là điểm mốc cần thiết để tìm hiểu và tra cứu.

JERUSALEM KHẢI HUYỀN: TÂN JERUSALEM, TỪ TRỜI VÀ TỪ THIÊN CHÚA

Đối với người Kito hữu, Jerusalem là thị trấn của Chúa Giêsu chịu chết và sống lại, là trung tâm điểm của lịch sử và của thế giới. Nó cũng là nơi mà danh xưng nó hình dung một thị trấn mới trong tương lai: Tân Jerusalem như đã được nhắc tới trong sách Khải Huyền đoạn 21. Trong một giấc mơ, thánh Gioan đã nói về một thị trấn, từ trời, từ Thiên Chúa mà xuống. Tác giả tả cảnh một Tân Jerusalem như là mục đích của lịch sử loài người. Jerusalem sẽ là mẫu mực cho thấy cuộc sống với Chúa sẽ ra sao vào “ngày tận thế”. Elie Weisel người đoạt giải Nobel đã tô điểm lại chủ đề này bằng một đoạn tả cảnh thị trấn thánh này như sau: “*JERUSALEM phải ở tất cả mọi nơi, JERUSALEM là tất cả mọi nơi, ở đó có một nhân vật luôn luôn phấn đấu cho HÒA BÌNH, ở đó con tim được mở rộng cho LỜI NGUYỆN CẦU, cho LÒNG QUẢNG ĐẠI, cho SỰ TRI ÂN.*”

THỊ TRẤN CỦA CHÚA CỦA BA TÔN GIÁO LỚN

Jerusalem là thị trấn của Chúa, là đền thánh của Chúa, nơi mà mọi tín hữu Do Thái giáo, Kito giáo và Hồi giáo cùng nghe lời Chúa, vì họ ước mong được thờ lạy Chúa. Tôn giáo cũng là một yếu tố cần thiết và chính thức của căn tính con người, cá nhân cũng như tập thể. Nó bao gồm “nhiều người” và “một nhóm người”. Ký ức tôn giáo cũng là một ký ức quốc gia, đặc biệt đối với Do Thái giáo và Hồi Giáo. Đối với người Kito hữu, Jerusalem đã và hiện vẫn là Giáo Hội Mẹ, nơi khai sinh ra cộng đồng Kito giáo.

NHỮNG THẮC MẮC ĐỂ SUY NIỆM

Jerusalem hiển nhiên là như vậy từ cổ chí kim cho đến tương lai, chúng ta nghĩ sao khi mà cư dân Jerusalem và cả thế giới vẫn còn chiến tranh tương tàn như đang đe dọa ngày tận thế

Tại sao thị trấn Jerusalem lại quan trọng đến như vậy? Jerusalem có ý nghĩa gì đối với tôi? Những khía cạnh nào của Do Thái giáo và Hồi giáo đã soi sáng cho tôi và giúp tôi thăng tiến niềm tin của tôi? Tôi nghĩ thế nào về một viễn kiến tương lai của Jerusalem?

Khi tôi nghĩ về Giáo Hội thì hình ảnh nào đến trong đầu tôi? Hình ảnh của tôi về Giáo Hội phản ánh thế nào trên kinh nghiệm của tôi với tư cách là một thành viên của Giáo Hội? Nếu chúng tôi là đền thờ sống động của Thiên Chúa, chúng tôi phải hành động thế nào để chứng tỏ mình là giáo hội? Biểu tượng nào mà bạn nghĩ là nói lên được tình đoàn kết của người Kito hữu?

Tất cả mọi cư dân ở Jerusalem ngày nay đang chiến đấu đòi phải có ngay lập tức một nền tảng xã hội công bằng và bảo đảm. Tiếp tục thảm cảnh của đất thánh tức là tiếp tục thảm cảnh của niềm tin. Vậy thì tôn giáo sẽ là căn cứ của chiến tranh và tranh cãi bao lâu nữa giữa những người tín hữu cùng tin vào một Thiên Chúa? Đó không phải là lý do mà Thiên Chúa đã tỏ mình cho chúng ta và nói với chúng ta nơi đất thánh này, mà chính là cho sự cứu chuộc nhân loại và tình yêu nhân thế, một khí cụ xây dựng duy nhất và là đường hướng độc nhất đưa tới công lý.

Tôi tiên đoán thế nào về một tương lai của Jerusalem? Biểu tượng và ẩn dụ tôn giáo nào giúp tôi có một viễn kiến về thị trấn thánh này? Tường tượng về tôn giáo của tôi có dẫn đưa tôi đến một viễn kiến hoà bình và công lý không hay chỉ phát sinh ra những cảm nghĩ hận thù, loại bỏ và bạo động?

THAY LỜI KẾT: TRUNG THÀNH VỚI JERUSALEM VÀ LA MÃ

Để kết luận bài chia sẻ này, xin chuyển dịch lời nguyện cầu của Hồng Y Carlo Maria Martini, sj trong cuốn sách của ngài nhan đề “Due Pellegrini per la Giustizia” (Centro Ambrosiano: Edizioni Piemme, 1992). Tôi biết kinh này khi đi hành hương Jerusalem 10 năm trước đây.

Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con,
Chúng con cầu xin Chúa,
Chúng con chúc tụng Chúa, vì Jerusalem...
Vì Chúa ban thị trấn này cho chúng con,
Như biểu tượng câu chuyện của Chúa và nhân loại;
Dấu hiệu tình yêu Chúa thương chúng con,
Lòng Chúa thứ tha tội lỗi chúng con.
Biểu tượng cuộc hành hương dương thế của chúng con đi về nhà Chúa,
Đầy gian nan và tranh chấp.

Chúng con cầu xin cho Jerusalem,
Cho tất cả những người anh chị em huynh đệ,
Do Thái và Ả Rập...
Chúng con tạ ơn Chúa,
Vì Chúa đã kêu gọi chúng con phụng sự Chúa Kitô,
Vác Thánh Giá Chúa ngày nay trong Giáo Hội,
Một Giáo Hội có trung tâm tại La Mã.
Vì Chúa đã kêu gọi chúng con trở nên một với Con Chúa,
Chúa dạy chúng con đặt tên cho sự kết hợp ấy của chúng con,
Như lời thánh Ignatius Loyola.

Vị hôn thê đích thực của Đức Kitô Chúa chúng con,
Là Giáo Hội Mẹ chúng con.
Chúng con cảm ơn Chúa vì Giáo Hội và La Mã
Là hình ảnh của hiệp nhất,
Là hành hương đi về thống nhất,
Đi đến tòa phán xét chúng con phải chịu
Để hoàn thành tình hiệp nhất ấy.

Chúng con xin Chúa ban ơn trung thành
Với Jerusalem và La Mã,
Với Con Chúa và Giáo Hội,
Trong cuộc hành trình chung của nhân loại,
Hướng về trái tim Thiên Chúa Ba Ngôi,
Để chiêm nghiệm dung nhan Chúa,
Đức Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Amen.

Fleming Island, Florida
April 28, 2013

NTC

[VỀ MỤC LỤC](#)

PHỤ PHỤ HÒA GIA ĐẠO THỊNH (XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH)

1. LỜI CHÚA: Chúa Giê-su phán: "Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng" (Mt 11,28-30).

2. CÂU CHUYỆN:

1) ĐỨC TÍNH NHÃN NHỊN CỦA TRIẾT GIA SOCRATE.

Một hôm, ông Socrate mời các bạn đến nhà dùng cơm. Không biết có việc gì, bà vợ bưng cả đồ ăn rau quả quăng ra ngoài cửa sổ. Ông vẫn bình tĩnh tươi cười bảo với các bạn: "Chắc bà nhà tôi muốn chúng ta ra ngoài sân ăn cho mát mẻ hơn". Bà không chịu thua bèn vác chổi ra sân quét luôn các đồ ông chồng vừa bày vô mâm đĩa... Các bạn ông tức giận thay cho ông và muốn gây sự với bà. Bấy giờ Socrate liền giữ các ông bạn kia và ôn tồn bảo họ : "Giả như các anh em mình đang ngồi ăn, rủi bị một con gà mái vô cớ nhảy xổ vào mâm làm văng cả bát đĩa đồ ăn, thì các anh có gây sự với nó không" ?

Một lần khác, có bạn rủ ông đi sớm. Bà vợ liền găm hết la lối om sòm. Ông vẫn thản nhiên không nói gì. Khi ông vừa bước ra khỏi cửa, bà đứng trên lầu đổ hau nước dơ lên đầu ông... Các bạn ông tỏ vẻ bất bình phản đối... Ông liền cười và bảo họ : "Thì có gì lạ nào, hễ trời hết găm, thì lại đổ mưa đó thôi". Nói rồi ông thản nhiên vào nhà thay quần áo khác.

2) TÌNH YÊU SẼ HÓA GIẢI TẤT CẢ CÁC BẤT ĐỒNG.

Đôi vợ chồng kia nhiều lần đã cự cãi nhau và lần này, đang lúc to tiếng với nhau thì do được một linh mục linh hướng mách bảo người chồng đã nói với vợ rằng : "Này em. Chúng mình đã cãi nhau nhiều mà không đi đến đâu. Vậy anh đề nghị mỗi người chúng ta thay vì cãi nhau, hãy viết ra giấy những gì mình không bằng lòng về nhau nhé". Chị vợ liền đồng ý. Bấy giờ anh chồng liền lấy giấy bút, nhìn vợ và bắt đầu viết. Vợ thấy chồng viết, cũng viết liên hồi vào giấy, kể ra rất nhiều lần lỗi của chồng mà chị nhớ được. Sau mười lăm phút, hai trang giấy của chị vợ đã đầy những dòng chữ và chị cảm thấy hả dạ, vì đã kể tội của chồng bấy lâu chất chứa trong lòng. Đến khi không còn gì viết thêm, hai người trao đổi giấy kể tội cho nhau. Nhưng khi nhìn vào giấy của chồng, nét mặt chị vợ liền biến đổi vì xúc động. Chị vội giắt lại tờ giấy vừa mới đưa cho chồng và xé đi với vẻ hổ thẹn. Vì trong tờ giấy của chồng chị chỉ đọc thấy một dòng chữ: "Đối với anh, em hoàn toàn vô tội, và hãy biết rằng anh rất thương yêu em".

3. SUY NIỆM:

1) Thực tế có bất đồng: Chén bát còn có khi xô xát, vợ chồng sống chung lâu ngày, tránh sao cho khỏi những lúc cơm không lành canh không ngọt : "Ngọc nhìn lâu sẽ tìm thấy vết. Hoa để gần sẽ hết mùi hương". Thực tế cho thấy cuộc sống chung không phải lúc nào cũng bình ổn. Nhiều đôi vợ chồng xung đột nhau vì "bá nhân bá tính": do tính tình khác nhau: Chồng nói năng thận trọng trong khi vợ lại "mau nói mau lỗi". Hoặc chồng ăn xài rộng rãi thoải mái đang khi vợ lại chặt chẽ tiết kiệm; Chồng thích xem chương trình bóng đá trong khi vợ lại ưa xem phim

truyện cổ trang Trung hoa... Đây là chưa kể đến còn nhiều sự bất đồng trong việc kinh doanh làm ăn, thực hành tín ngưỡng tôn giáo, cách thăm viếng tặng quà cho cha mẹ đôi bên trong dịp lễ tết, cách thức giáo dục con cái...

2) Giá trị của sự nhẫn nhịn: Nói về tình yêu giữa hai vợ chồng, người ta thường nói: “Tình chỉ đẹp khi còn dang dở, đời hết vui khi đã vẹn câu thề”: Thực vậy, lúc mới yêu nhau thì **“anh nói em nghe, em nói anh nghe”**. Sau một thời gian chung sống, khi đối diện với vấn đề thực tế hằng ngày như “cơm áo gạo tiền” khiến tình yêu suy giảm nên hai vợ chồng không còn nghe nhau: **“anh nói anh nghe, em nói em nghe”**. Sau cùng khi tình yêu đã chấp cánh bay đi thì hai vợ chồng không còn nể nhau nữa và **“cả hai cùng nói to khiến hàng xóm phải nghe”**. Để khắc phục tình trạng này, vợ chồng cần ghi nhớ câu châm ngôn sau : “Một sự nhịn bằng chín sự lành.”. Thánh Phao-lô cũng khuyên các tín hữu Cô-lô-sê: “Anh em hãy có lòng thương cảm, nhân hậu, khiêm nhu, hiền hòa và nhẫn nại. Hãy chịu đựng và tha thứ cho nhau, nếu trong anh em người này có điều gì phải trách móc người kia. Chúa đã tha thứ cho anh em, thì anh em cũng vậy, anh em phải tha thứ cho nhau” (Cl 3,12-13).

3) Những cuộc hôn nhân bất hạnh: vợ chồng tan vỡ hạnh phúc là do hai người không ai chịu nghe ai. Cũng do “cái tôi” ích kỷ, nên dễ đi đến sự tranh cãi hơn thua và dẫn đến ly hôn bất hạnh.

Trong cuộc sống lứa đôi: hai người đừng coi thường không giải quyết những bất bình nhỏ nhỏ thì dần dần chuyện nhỏ sẽ hóa thành chuyện lớn như người ta thường nói : “Cái sảy nảy cái ung” và hạnh phúc gia đình sẽ đi đến khủng hoảng tan vỡ. Trái lại nếu hai người biết thực hành lời Chúa hôm nay: “Nhẫn nhịn chịu đựng nhau và sẵn sàng tha thứ cho nhau” thì đôi vợ chồng sẽ phòng tránh được sự bất hạnh và sẽ bảo vệ được hạnh phúc gia đình dài lâu.

4) Gia hòa vạn sự hưng: Vợ chồng cần tránh đối đầu nhưng biết **nhường nhịn nhau** như câu ca dao này: “Chồng giận thì vợ bớt lời. Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê”. Nếu chồng nóng giận lớn tiếng, vợ hãy im lặng bỏ đi chỗ khác rồi sau đó sẽ tìm dịp thuận tiện nói lại. Nếu vợ bực tức quá lời, chồng hãy nhẫn nhịn tránh sự tranh cãi hơn thua. Nhất là chồng đừng bao giờ đánh đập vợ và vợ cũng cần tránh thách thức chồng ly hôn. Gặp trường hợp bất hòa, hãy âm thầm dâng lời cầu xin ơn Chúa giúp cho gia đình sớm được bình an và thuận hòa. Nếu không biết nhẫn nhịn nhau thì tình cảm sẽ phai nhạt dần. Nhưng nếu biết nhẫn nhịn chịu đựng lẫn nhau thì vợ chồng sẽ giữ được trọn tình vẹn nghĩa đúng như lời thề hứa trước bàn thờ Chúa khi kết hôn. Nếu vợ chồng biết nhẫn nhịn chịu đựng nhau thì gia đình sẽ được an lành hạnh phúc như câu người xưa dạy: “Gia hòa vạn sự hưng” và “Phu phụ hòa, gia đạo thịnh”.

4. THẢO LUẬN:

1) Bạn nhận định thế nào về thái độ nhẫn nhịn vợ của triết gia Socrate trong câu chuyện trên?

2) Bạn sẽ ứng xử thế nào để bảo vệ hạnh phúc gia đình nếu chẳng may gặp phải người chồng hay vợ tính tình khó ưa như bà vợ của Socrates nói trên?

5. CẦU NGUYỆN:

Lạy Chúa, xin cho chúng con biết sống khiêm nhường và hiền lành như Chúa. Xin giúp chúng con trở nên môn đệ thực sự của Chúa, để những ai đến với chúng con đều cảm thấy nhẹ bớt ưu phiền và tìm được sự bình an trong tâm hồn. Xin giúp chúng con biết luôn nghĩ đến nhau và trao tặng cho nhau những món quà tinh thần là thái độ thân thiện thay sự thô lỗ cộc cằn. Xin cho chúng con biết chia sẻ cho nhau những lời êm ái để nghe thay sự hờn trách la mắng. Amen

LM ĐAN VINH

VỀ MỤC LỤC

ĐẠI KẾT, TỰ DO TÔN GIÁO, LIÊN HỆ VỚI CÁC TÔN GIÁO NGOÀI KITÔ GIÁO VÀ SỨ VỤ TRUYỀN GIÁO (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II – BÀI 7)

Trong các văn kiện của Công Đồng có ba văn kiện đề cập đến những vấn đề mà các Công Đồng trước đây không đề cập đến là vấn đề Tự Do Tôn Giáo, Đại Kết và liên hệ với các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo. Nhiều người cho rằng theo tinh thần của ba văn kiện này thì chúng ta chỉ cần đối thoại với những người ngoài Công Giáo chứ không cần phải truyền giáo nữa, vì Hội Thánh công nhận con người chỉ cần sống theo lương tâm là đủ và các tôn giáo khác dù là Tin Lành, Do Thái giáo, Phật Giáo hay Hồi Giáo đều là những phương tiện cứu độ của Thiên Chúa. Như thế thì Sắc Lệnh về truyền giáo được viết ra để làm gì vì nó xem ra trái ngược với tinh thần của ba văn kiện nói trên. Thực ra bốn văn kiện này liên hệ mật thiết với nhau và bổ túc cho nhau. Trong phạm vi bài này chúng tôi sẽ tóm tắt những điểm chính của cả bốn văn kiện và trình bày sự liên hệ giữa chúng và với những văn kiện khác của Công Đồng, đặc biệt là với sự vụ truyền giáo.

1. Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo (Digitatis Humanae)

Digitatis Humanae nói rằng con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền này do Thiên Chúa ban. Vì thế, trong lãnh vực tôn giáo, không ai có thể bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng như không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với những người khác, trong những giới hạn chính đáng. Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự.

Điều này không có nghĩa là Hội Thánh coi tất cả các tôn giáo đều như nhau, vì các Nghị Phụ nói thêm về Kitô Giáo rằng “*Chúng tôi tin rằng Tôn Giáo chân thật, duy nhất tồn tại trong Hội Thánh Công Giáo và Tông Truyền. Hội Thánh mà Chúa Giêsu đã ủy thác nhiệm vụ truyền bá cho mọi người,*” (1) và mọi người không những chỉ có quyền, mà còn có nhiệm vụ tìm kiếm chân lý (2). Vì thế, tuy có quyền tự do tôn giáo, nhưng bổn phận của con người là “*phải*

tìm kiếm chân lý, nhất là chân lý liên quan đến tôn giáo. Họ cũng phải tin theo chân lý đã nhận biết, và hướng dẫn toàn thể đời sống mình theo những đòi hỏi của chân lý.”(3) Nhiệm vụ thiết yếu của quyền bính dân sự là bảo vệ và phát huy những quyền bất khả xâm phạm của con người. Do đó, quyền bính dân sự phải bảo vệ cách hữu hiệu quyền tự do tôn giáo của mọi công dân (6 và 7).

Công Đồng không quên nhấn mạnh rằng Hội Thánh “*phải làm việc không quản khó nhọc: ‘để Lời Chúa được lan rộng và sáng tỏ’* (2Th 3:1)” cùng tha thiết xin các con cái mình cầu nguyện cho hết mọi người để họ nhận biết chân lý. Hội Thánh cũng nhắc nhở các tín hữu phải luôn luôn tìm cách thấu hiểu chân lý mà Chúa đã trao ban, phải trung thành loan truyền và can đảm bảo vệ nó, nhưng không được dùng những phương tiện trái với tinh thần Tin Mừng. Đồng thời họ hãy lấy tình thương, sự khôn ngoan và lòng kiên nhẫn để đối xử với những kẻ chưa nhận biết đức tin (14).

2. Sắc Lệnh về Đại Kết – Hiệp Nhất Kitô giáo (Unitatis Redintegratio)

Digitatis Humanae được soạn thảo dựa trên giáo huấn của *Lumen Gentium*. Sắc Lệnh quyết rằng Đức Kitô thành lập một Hội Thánh, và Hội Thánh này “*tồn tại*” trong Hội Thánh Công Giáo. Ngay từ buổi sơ khai, trong Hội Thánh độc nhất và duy nhất của Thiên Chúa đã xuất hiện ít nhiều rạn nứt. Nhưng trong các thời đại kế tiếp, phát sinh nhiều phân rẽ trầm trọng hơn và nhiều cộng đoàn đáng kể đã hoàn toàn ly khai khỏi sự hiệp thông với Hội Thánh này, mà “*đôi khi cũng tại lỗi những người ở cả hai bên.*” Những người “*tin ở Đức Kitô và đã được rửa tội đúng phép vẫn còn hiệp thông với Hội Thánh này một cách nào đó cho dầu không được hoàn hảo.*”

Digitatis Humanae nhìn nhận rằng “*có một số yếu tố, thậm chí có rất nhiều yếu tố trong những yếu tố quan trọng nhất và những đóng góp là những gì cùng nhau xây dựng và đem lại sự sống cho chính Hội Thánh, có thể hiện hữu ở bên ngoài biên giới hữu hình của Hội Thánh Công Giáo: như Lời Chúa bằng văn tự, đời sống ân sủng, đức tin, đức cậy và bác mến, cùng những ơn bề trong khác của Chúa Thánh Thần, cũng như những yếu tố hữu hình. Tất cả những điều này, là những điều đến từ Đức Kitô và dẫn chúng ta trở lại với Người, đương nhiên thuộc quyền Hội Thánh duy nhất của Đức Kitô*” (3). Nói cách khác, mặc dù còn “*những khiếm khuyết*”, đặc biệt là quanh việc nhìn nhận Tòa Thánh Phêrô, Bí Tích Thánh Thể, và các bí tích khác, nhất là Bí Tích Truyền Chức Thánh, chúng ta thừa nhận rằng: “*Thánh Thần của Đức Kitô không khước từ sử dụng họ như những phương tiện cứu rỗi mà năng lực phát xuất từ chính sự sung mãn của ơn thánh và chân lý đã được ủy thác cho Hội Thánh Công Giáo.*”

Sau khi thừa thừa nhận điều này, Sắc Lệnh nói về việc thực hành đại kết, bằng cách đề nghị cầu nguyện chung, mặc dù việc cùng nhau cầu nguyện này chưa có tính bí tích; triệt để học hỏi các truyền thống của nhau; cộng tác với nhau trong việc truyền giáo; và trình bày rõ ràng giáo huấn Công Giáo như phương tiện hướng đến hiệp nhất Kitô giáo.

Một sự phân biệt cẩn thận được viết trong các chương 14 đến 17 về sự tách biệt giữa các Hội Thánh Đông Phương (Chính Thống Giáo) và Tây phương. Các Hội Thánh Đông Phương vẫn còn giữ quyền kế vị các Tông Đồ và các Bí Tích, được coi là “*các Hội Thánh chị em*” (14), và văn kiện vạch ra vẻ đẹp của nghị thức phụng tự của họ, và truyền thống vĩ đại của các Giáo Phụ Đông Phương, như những nguồn mạch cũng làm cho Hội Thánh Tây Phương thêm phong phú.

Để kết luận, *Digitatis Humanae* khuyến cáo các tín hữu phải “*tránh mọi sự nhẹ dạ và nhiệt thành thiếu khôn ngoan*” có thể phương hại tới việc phát triển công cuộc hiệp nhất. Hoạt động hiệp nhất của họ phải hoàn toàn “*trung thành với chân lý do các Tông Đồ và các Giáo Phụ truyền lại và phù hợp với đức tin luôn được Hội Thánh Công Giáo tuyên xưng, đồng thời hướng tới sự sung mãn nhờ đó Chúa muốn Thân Thể Người được lớn lên qua các thời đại*” (24).

3. Tuyên Ngôn về Liên Lạc với các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo (Nostra Aetate):

Tuyên Ngôn *Nostra Aetate* là một văn kiện bị hiểu lầm và bị cắt nghĩa sai lầm nhiều nhất. Sở dĩ có sự sai lầm này vì bản dịch tiếng Việt của GHHV Piô X không chính, và có một số thần học gia nổi danh đã cố tình dùng một phần của văn kiện này để biện minh cho những suy tư thần học trái ngược với giáo huấn của Hội Thánh về vai trò của Đức Kitô trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Đặc biệt là các thần học gia chủ trương “tôn giáo đa nguyên” (*religious pluralism*) và những người cho rằng mình có thể “theo nhiều tôn giáo một lúc” (*multiple religious belonging*).

Trong phần mở đầu, *Nostra Aetate* tuyên bố rằng “mọi dân tộc đều thuộc về một cộng đoàn, cùng chung một nguồn gốc, vì Thiên Chúa đã cho toàn thể nhân loại sinh sống trên khắp mặt địa cầu. Họ lại có cùng một mục đích tối hậu là Thiên Chúa.” Vì thế mà con người cảm nhận được sự hiện hữu của một quyền lực hay một vị Thần Linh Tối Cao. Cảm thức và sự nhìn nhận đó làm cho cuộc sống họ thấm nhuần ý nghĩa tôn giáo.

Đối với các tôn giáo lớn trên thế giới như Do Thái giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo: “Hội Thánh Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Hội Thánh xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Hội Thánh duy trì, nhưng cũng thường mang lại **một tia sáng của Chân Lý ấy**, là Chân Lý chiếu soi tất cả mọi người.” Bản dịch của GHHV Piô X dịch sai là “cũng thường đem lại **ánh sáng của Chân Lý**, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người.” Vì dịch tia sáng thành ánh sáng nên nhiều người giải thích rằng các tôn giáo khác tự chúng cũng có ánh sáng chân lý. Nhưng Công Đồng nói rõ là các tôn giáo khác “cũng thường đem lại **một tia sáng của Chân Lý ấy**”, có nghĩa là các tôn giáo khác chỉ có thể đem lại cho người ta ánh sáng khi phản chiếu một tia sáng (radium) của Chân Lý ấy (illius Veritatis), và Chân Lý ấy cũng là Ánh Sáng muôn dân (Lumen gentium), tức là Đức Kitô.

Nostra Aetate cũng nhắc nhở các tín hữu rằng “Hội Thánh rao giảng và có **bốn phận phải kiên trì rao giảng Đức Kitô, Đáng là ‘đường, sự thật và sự sống’** (Ga 14:6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình”. Câu này thường bị người ta bỏ qua khi trích dẫn *Nostra Aetate*. Cuối cùng, nhiều người chỉ nhấn mạnh đến câu: “Hội Thánh khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cổ động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác” mà bỏ câu: “**bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với tín đồ các tôn giáo ấy mà vẫn là chứng tá của đức tin và đời sống Kitô hữu**” để biện minh cho những học thuyết sai lạc của mình.

Sau đó Tuyên Ngôn nói đến những điểm khác biệt và tương đồng và giữa Công Giáo và Hồi Giáo, đặc biệt là việc họ tôn kính Đức Mẹ và đôi khi cũng sốt sắng cầu khẩn Mẹ, cùng việc họ tôn trọng đời sống luân lý và tôn thờ Thiên Chúa nhất là bằng cầu nguyện, bố thí và ăn chay. Cuối cùng Tuyên Ngôn kêu gọi mọi người nên quên đi những bất hòa và hiềm thù trong quá khứ “**để cố gắng thành thật tìm hiểu nhau, cùng nhau bảo vệ và cổ võ công bình xã hội, thuần phong mỹ tục cũng như hòa bình tự do cho hết mọi người.**”

Về Do Thái giáo, *Nostra Aetate* “tuyên xưng rằng mọi Kitô hữu đều là con cái ông Abraham theo đức tin... cũng như sự cứu độ của Hội Thánh đã được ám chỉ cách huyền nhiệm trong cuộc xuất hành của dân ưu tuyển ra khỏi đất nô lệ...” Các Tông Đồ cũng như rất nhiều môn đệ đầu tiên của các ngài đã sinh ra từ dân tộc Do Thái. Do đó, “vì người Do Thái và Kitô hữu cùng có chung một di sản tinh thần thật vĩ đại, nên Thánh Công Đồng muốn cổ võ, khuyến khích sự hiểu biết và kính trọng nhau, nhất là bằng việc học hỏi Thánh Kinh, thần học và đối thoại trong tinh thần anh em.” Còn việc giết Chúa, chúng ta cũng không thể quy trách một cách hàm hồ

cho tất cả những người Do Thái đương thời, mà không có sự phân biệt, hoặc người Do Thái của ngày nay.

Một lần nữa, trước khi nói đến vấn đề kỳ thị (5), Công Đồng nhắc nhở chúng ta rằng Hội Thánh có bổn phận *“loan báo thập giá Đức Kitô như dấu hiệu tình yêu Chúa đối với hết mọi người và như nguồn mạch mọi ân sủng.”*(4)

4. Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Hội Thánh (Ad gentes)

Ad gentes quả quyết rằng vì được Thiên Chúa sai đến muôn dân như *“bí tích cứu độ phổ quát”*, Hội Thánh, nhất quyết loan báo Tin Mừng cho hết mọi người. Tình trạng thế giới hiện nay đặt nhân loại trong một hoàn cảnh mới, vì thế Hội Thánh, là muối đất và ánh sáng trần gian, càng được kêu mời khẩn thiết hơn để *“cứu rỗi và canh tân mọi loài, hầu mọi sự được tái lập trong Đức Kitô, và nơi Ngài mọi người họp thành một gia đình và một Dân Chúa duy nhất”* (1). *Tự bản tính, Hội Thánh lẽ hành phải truyền giáo* (2). Ý định của Chúa Cha nhằm cứu rỗi toàn thể nhân loại không phải chỉ được thực hiện một cách kín đáo trong tâm trí con người, hoặc bằng những kế hoạch tôn giáo. Đôi khi các tôn giáo có thể được coi như những con đường hướng về Thiên Chúa hoặc chuẩn bị Tin Mừng, nhưng chúng cần phải được soi dẫn và tu bổ. Hơn nữa, Chúa Cha đã quyết định đi vào lịch sử loài người một cách mới mẻ và dứt khoát bằng cách sai Chúa Con mặc lấy xác phàm để giải thoát nhân loại khỏi quyền lực tối tăm và Satan cùng hòa giải họ với chính Ngài. Do đó, bằng đường lối nhập thể, Con Thiên Chúa đã đến để làm cho loài người được thông phần vào bản tính Thiên Chúa. Những gì Chúa Giêsu đã một lần rao giảng hay đã hoàn tất trong Người cho phần rỗi nhân loại, phải được công bố và truyền bá tới tận cùng trái đất, bắt đầu từ Giêrusalem ngõ hầu những gì đã một lần thực hiện cho phần rỗi mọi người, sẽ có hiệu lực qua suốt dòng thời gian, cho hết mọi người (3). Chính Chúa Giêsu trước khi tự hiến cho thế gian, đã xếp đặt chức vụ Tông Đồ và hứa sai Chúa Thánh Thần đến hầu chức vụ và việc sai ban Chúa Thánh Thần liên kết với nhau, để công trình cứu chuộc luôn luôn đem lại kết quả khắp nơi (4). Trước khi về trời, Chúa Giêsu đã thiết lập Hội Thánh làm bí tích cứu độ, và sai các Tông Đồ đi khắp thế gian khi Người truyền: *“Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân: rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, và dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con”* (Mt 28:19-20). Do đó, Hội Thánh có bổn phận truyền bá đức tin và ơn cứu rỗi của Đức Kitô (5). Vì thế hoạt động truyền giáo bắt nguồn sâu xa từ chính bản tính của Hội Thánh, và tất cả những ai đã chịu phép Rửa Tội đều được kêu gọi quy tụ vào một đoàn duy nhất, và như thế họ có thể đồng lòng làm chứng về Đức Kitô trước mặt muôn dân (6). Lý do hoạt động truyền giáo này bắt nguồn từ ý muốn của Thiên Chúa, Đấng *“muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý. Thực vậy chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, là con người Giêsu Kitô, Đấng đã tự hiến để cứu chuộc mọi người”* (1Tm 2:4-6), *“và sự cứu rỗi không ở trong một người nào khác”* (Cv 4:12). Vậy mọi người, nhờ lời giảng dạy của Hội Thánh mà nhận biết Người, phải trở lại với Người và chịu phép Rửa để tháp nhập vào chính Người và vào Hội Thánh, Thân Thể Người. Sau cùng, nhờ hoạt động truyền giáo này, Thiên Chúa được hoàn toàn tôn vinh, một khi con người ý thức chấp nhận hoàn toàn công trình cứu chuộc mà Ngài đã hoàn thành trong Đức Kitô. Do đó, nhờ hoạt động truyền giáo, ý định của Thiên Chúa được hoàn tất (7).

5. Liên hệ giữa Bốn Văn Kiện và Các Văn Kiện khác của Công Đồng.

Sở dĩ người ta thấy có những điều trái ngược giữa bốn văn kiện trên vì có nhiều người đã trích dẫn một phần của một văn kiện mà không đếm xỉa gì đến sự liên hệ của nó với những phần khác để biện minh cho những lập luận của họ. Để hiểu các văn kiện cho đúng, chúng ta phải đọc chúng theo giáo huấn của bốn Hiến Chế của Công Đồng, đặc biệt là *Lumen gentium* và *Dei Verbum*. Hơn nữa còn phải chú ý đến mức độ ưu tiên của các văn kiện, trong đó các Hiến Chế Tín Lý đứng hàng đầu, rồi đến Hiến Chế Mục Vụ, sau đó mới đến các Sắc Lệnh và cuối cùng là các Tuyên Ngôn. Chúng tôi sẽ giải thích rõ về mức độ ưu tiên của các văn kiện này trong những bài sau. Để giúp chúng ta hiểu đúng các văn kiện Công Đồng, Thượng Hội

Đồng Giám Mục năm 1985 đã đưa ra những nguyên tắc để giải thích các văn kiện của Công Đồng trong đó nhấn mạnh bốn điểm chính sau đây:

- Mỗi đoạn và văn kiện của Công Đồng phải được giải thích theo nội dung của những văn kiện khác, để người ta có thể hiểu đúng toàn thể giáo huấn của Công Đồng;
- Bốn hiến chế của Công Đồng là chìa khóa để giải thích những văn kiện khác;
- Tầm quan trọng về mục vụ của các văn kiện không được tách rời khỏi, hoặc đưa ra đối chọi với, nội dung tín lý của nó.
- Công Đồng phải được giải thích trong sự liên tục với truyền thống vĩ đại của Hội Thánh, kể cả các Công Đồng trước.

Do đó khi không áp dụng những nguyên tắc này vào việc giải thích các văn kiện Công Đồng sẽ gây ra sai lầm hay bóp méo những giáo huấn của Hội Thánh, làm cho các văn kiện này thay vì hòa hợp với nhau thì lại xung khắc nhau.

Kết Luận

Theo *Lumen gentium* thì Hội Thánh xem tất cả những gì là chân thiện nơi những người ngoài Kitô giáo như để chuẩn bị họ lãnh nhận Tin Mừng, và như một ân huệ mà Thiên Chúa ban cho họ để họ được sống. Nhưng thường con người bị ma quỷ gạt gẫm mà phán đoán sai lạc khiến họ đánh đổi chân lý Thiên Chúa lấy sự giả dối, phụng sự tạo vật hơn là Đấng Tạo Hóa (x. Rm 1:21, 25); hoặc vì họ sống chết như không có Thiên Chúa trên đời, nên liều mình rơi vào sự thất vọng tột độ. Vì hằng quan tâm làm vinh danh Thiên Chúa, và cứu rỗi tất cả những người ấy và hằng nhớ lời Chúa truyền: “*Hãy rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật*” (Mc 16:15), nên Hội Thánh tận tâm lo lắng và cố võ việc truyền giáo (LG 16). Hoạt động của Giáo Hội Thánh không nhằm tiêu diệt những gì là thiện hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc, nhưng thanh lọc, nâng cao và hoàn thành chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người (LG 17).

Trong *Unitatis Redintegratio*, *Digitatis Humanae* và *Nostra Aetate*, các Nghị phụ cũng nhắc nhở các tín hữu phải luôn luôn nhớ đến sứ vụ truyền giáo mà Chúa Giêsu đã truyền và phải trung thành với giáo lý của Hội Thánh. Như vậy chúng ta thấy hai Tuyên Ngôn *Digitatis Humanae* và *Nostra Aetate* không phải là giáo huấn về tín lý của Hội Thánh mà là những lời Hội Thánh muốn nói cùng tất cả mọi người kể cả những người ngoài Công Giáo. Đương nhiên là khi nói với họ, Công Đồng muốn nói ngắn gọn mà không đề cập đến những vấn đề tín lý sâu xa như được nhắc đến trong các Hiến Chế hay Sắc Lệnh dành cho người Công Giáo. Vì thế không thể chỉ trích dẫn một vài câu trong hai văn kiện trên để cho đó là toàn thể giáo huấn của Hội Thánh về Tự Do Tôn Giáo hay về Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo. Và nhất là không thể chỉ dựa vào một phần của những văn kiện ấy mà kết luận rằng chúng ta không cần phải truyền giáo nữa.

Phaolô Phạm Xuân Khôi

<http://giaoly.org/vn/>

Viết theo bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Piô X đối chiếu bằng bản Latinh của Tòa Thánh.

Người nhào lộn

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : Các “Thánh”

157. Người nhào lộn

Những vị khổ tu lang thang giữa phố xá là điều rất phổ biến ở Ấn Độ. Một bà mẹ cảm con trai tiếp xúc với họ vì đang khi một số trong họ có tiếng là thánh thiện thì số khác lại bị tiếng là kẻ bóc lột trá hình.

Ngày kia từ cửa sổ, bà mẹ kia thấy những đứa trẻ trong làng vây quanh một nhà khổ tu. Bà ngạc nhiên thấy ông hoàn toàn không ý thức về thanh danh của mình, ông đang biểu diễn những trò nhào lộn để mua vui cho bọn trẻ. Quá ấn tượng, bà gọi cậu con trai và bảo, “Con ơi, người này là một người thánh thiện. Con có thể ra chơi với ông”.

گ

158. Nghĩ tốt về người khác

Xưa kia có một linh mục thánh thiện đến nỗi không bao giờ nghĩ xấu về người khác.

Ngày nọ, ngài ngồi trong một nhà hàng, uống một tách cà phê là tất cả những gì ngài có thể dùng vì hôm đó là ngày ăn chay kiêng thịt. Lúc ấy, ngài ngạc nhiên thấy một giáo dân trẻ của cộng đoàn mình đang ngồi nhai một đùi thịt ở bàn kế bên.

“Thưa Cha, con nghĩ con không làm cha sốc”, chàng trai trẻ cười nói.

“À, cha cho rằng con quên hôm nay là ngày ăn chay và kiêng thịt”, linh mục đáp.

“Dạ không, dạ không. Con nhớ môn một”.

“Thế chắc con bị ốm. Bác sĩ cấm con ăn chay”.

“Không hề. Con cực kỳ khỏe mạnh”.

Nghe thế, linh mục ngược mắt lên trời và nói, “Lạy Chúa, thế hệ trẻ này là mẫu gương sáng ngời cho chúng ta! Ngài có thấy cách chàng trai... thà nhận tội còn hơn nói dối không?”.

گ

159. Bí mật tiếng cười

Nói đến Thiền Sư vĩ đại Rinzai, người ta bảo, mỗi đêm, điều cuối cùng mà ông làm trước khi đi ngủ là phát ra một tràng cười vọng qua các hành lang vang đến mọi toà nhà của tu viện.

Điều đầu tiên ông làm khi thức dậy lúc bình minh là nở một tràng cười lớn đến nỗi đánh thức mọi thầy tu, dù có ai ngủ sâu đến mấy.

Các môn đệ ông lần này đến lần khác xin ông nói cho biết tại sao ông cười, nhưng ông từ chối. Khi ông chết, ông mang bí mật tiếng cười của mình xuống mồ.

160. Vùng Đất Cười

Vị tôn sư say sưa giảng giải, các môn đệ chăm chú lắng nghe những giai đoạn thầy mình đã trải qua trên con đường tìm kiếm Thiên Chúa.

“Trước tiên Thiên Chúa nắm lấy tay ta”, Thầy nói, “dẫn ta vào Vùng Đất Hành Động, ta sống ở đó vài năm. Rồi Ngài trở lại dẫn ta vào Vùng Đất Sầu Muộn, ta sống ở đó cho đến khi tâm hồn mình được thanh luyện khỏi mọi vấn vương tục trần. Đây là lúc ta thấy mình ở trong Vùng Đất Yêu Thương, nơi có những ngọn lửa bùng cháy thiêu rụi tất cả những gì còn lại trong bản ngã của ta và điều đó đã đưa ta tới Vùng Đất Lặng Thinh, nơi các màu nhiệm sự sống và sự chết được mặc khải trước sự kinh ngạc của ta”.

“Có phải đó là giai đoạn cuối cùng mà Thầy tìm kiếm không?”, họ hỏi.

“Không”, Thầy đáp. “Ngày kia Chúa bảo, ‘Hôm nay, Ta sẽ dẫn con vào chốn sâu nhất của Đền Thờ, đến chính cõi lòng của Thiên Chúa’. Và Thầy được dẫn đến Vùng Đất Cười”.

گ

161. Tù nhân đáng tội

“Tù nhân ở vành móng ngựa”, Công tố viên hỏi, “Anh bị buộc tội lôi kéo người ta không giữ luật, truyền thống và phong tục tôn giáo thánh thiện của chúng ta. Anh bào chữa thế nào?”.

“Thưa ngài, đáng tội”.

“Và thường xuyên lui tới với bọn lạc giáo, gái điếm, tội nhân công khai, những người thu thuế tống tiền, những kẻ thực dân xâm chiếm nước ta - tất một lời, những kẻ bị tuyệt thông. Anh bào chữa thế nào?”.

“Thưa ngài, đáng tội”.

“Và cũng công khai chỉ trích phỉ báng những người chức quyền trong Giáo Hội của Thiên Chúa. Anh biện hộ thế nào?”.

“Thưa ngài, đáng tội”.

“Cuối cùng, anh bị buộc tội duyệt lại, sửa chữa và đặt vấn đề những tín điều bí mật của chúng ta. Anh biện hộ thế nào?”.

“Thưa ngài, đáng tội”.

“Này tù nhân, tên người là gì?”

“Thưa ngài, Giêsu Kitô”.

Vài người khiếp sợ khi thấy tôn giáo của mình được thực hành cũng như khi nghe nó bị ngờ vực.

VỀ MỤC LỤC

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VÀ SỐNG TƯƠNG QUAN VỚI GIA ĐÌNH

Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss.

BẢN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHủng VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG HAI

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI LINH MỤC (tiếp theo)

C. ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VÀ SỐNG TƯƠNG QUAN VỚI GIA ĐÌNH

Mảnh đất đầu tiên và quan trọng nhất cho ơn gọi là gia đình, được kể như chủng viện đầu tiên ươm mầm và bảo vệ ơn gọi. Người ta nói rằng khi một người con đi tu thì cả gia đình cũng phải tu, vì tu là sửa, sửa cái chưa tốt thành cái tốt, sửa cái tốt thành cái tốt hơn nữa và thành thánh nhân. Chúng ta sẽ xét xem những thuận lợi cũng như những khó khăn mà gia đình bà con họ hàng có thể mang lại cho thành viên của gia đình theo ơn gọi linh mục và sống sứ vụ linh mục qua từng giai đoạn của cuộc sống, từ bước khởi đầu cho tới lúc hoàn tất cuộc đời.

I. Những tác động tích cực và tiêu cực của gia đình đối với việc nuôi dưỡng và chọn lựa ơn gọi linh mục trong thời kỳ tiền chủng viện và đại chủng viện.

Công cha như núi thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Đi khắp thế gian,

không ai tốt bằng mẹ và không ai khổ bằng cha!

Trèo non mới biết non cao,

Nuôi con mới biết công lao mẫu tử.

Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của thân nhân và gia đình trong sự hình thành, lớn lên và trưởng thành của một con người. Với một ứng sinh linh mục thì tầm quan trọng này càng được thấy rõ hơn, vì trên thực tế, đa phần các linh mục xuất thân từ những gia đình đạo đức và được nâng đỡ bởi những tấm lòng quảng đại.

Gia đình và các thân nhân vừa là trường dạy các đức tính nhân bản cần thiết, vừa là vườn ươm trồng hạt giống ơn gọi, để một ngày kia, khi nghe tiếng Chúa kêu gọi, ứng sinh có đủ khả năng đáp trả và bước theo Ngài. Tuy nhiên, do sự khác biệt giữa thánh ý Thiên Chúa và nhận định của con người, các gia đình lại trở thành lực cản đối với con người đi tìm thánh ý Thiên Chúa, khiến những ai muốn nghe theo tiếng Chúa phải trải qua đau khổ và thập giá, đôi khi còn gặp thất bại và bất hạnh. Để giúp có cái nhìn cụ thể, chúng ta cố gắng trình bày từng điểm tích cực và tiêu cực của gia đình, từ đó rút ra những điều nên làm, những việc phải tránh.

I.1 Trong thời kỳ tiền chủng viện

I.1a Tác động tích cực trên ứng sinh tiền chủng viện

Chuẩn bị cho ơn gọi: Thân nhân và gia đình chuẩn bị những điều kiện cần thiết về nhân bản, tri thức và đức tin như mảnh đất tốt cho hạt giống ơn gọi nảy nở.

- Về nhân bản, gia đình là trường học đầu tiên về các đức tính nhân bản, lễ nghi, ứng xử, giúp ứng sinh học được cách thế tương giao với những người xung quanh. Các đức tính thật thà, dũng cảm, lễ phép, vâng lời, tiết kiệm, giản dị, dũng cảm, tinh lặng, đều được khởi sự từ gia đình và trở thành những điều kiện cần thiết cho ứng sinh nhận ra và theo tiếng Chúa kêu gọi.

- Về tri thức, gia đình cung cấp cho ứng sinh những kiến thức cần thiết về con người, về thế giới và môi trường xung quanh; đồng thời cộng tác với học đường giúp ứng sinh học tập văn hóa, trưởng thành về trí tuệ, có khả năng nghiên cứu, tìm hiểu, nhận định, phân tích những chân lý trong thế giới tự nhiên, làm nền tảng cho việc học biết về thế giới siêu nhiên trong thời gian đại chủng viện.

- Về giáo dục đức tin, gia đình đóng góp vào việc nuôi dưỡng ơn gọi bằng việc giáo dục đức tin. Ngày rửa tội, cha mẹ và người đỡ đầu là những người tuyên xưng đức tin và thề hứa sẽ nuôi dưỡng con trong đức tin: ngày qua ngày, những giờ kinh tối sớm, đời sống đạo đức và chăm chỉ trong việc thờ phượng Chúa của cha mẹ là những bài học giúp ứng sinh lớn mạnh trong lòng mến Chúa và yêu người.

Vun trồng cho ơn gọi: Kể từ khi lựa chọn ơn gọi, gia đình là chỗ dựa vững chắc nhất cho ứng sinh trong việc sinh sống, học tập và tu luyện thời tiền chủng viện.

- Là tế bào của xã hội và Giáo Hội, gia đình là vườn ươm giống cho cây đời, thân nhân là những kỹ sư lành nghề vun xới, cắt tỉa cho cây ngày càng phát triển tươi tốt và trở sinh

những hoa trái thơm ngon. Nhờ đó, ỨNG SINH NGÀY MỘT TĂNG TIẾN HƠN CẢ VỀ NHÂN BẢN LẦN ĐẠO ĐỨC.

Thân nhân là những thầy dạy thân tình gần gũi, đầy tin tưởng và yêu thương trong việc rèn luyện, bồi dưỡng ỨNG SINH trở thành người có phẩm chất và năng lực: “ngọc bất trác bất thành khí; nhân bất học bất tri lý.”

Trong quan hệ hổ tương, thân nhân ảnh hưởng nhiều trên cuộc sống của ỨNG SINH: mọi hoạt động, hành vi cử chỉ, lời ăn tiếng nói, cách cư xử, thái độ sống của người thân đều ảnh hưởng lên tiến trình hình thành nhân cách, trí tuệ và ý chí của ỨNG SINH, như ngạn ngữ nói: “con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh.”

Thân nhân là những người gần gũi hiểu được con cái nên có những cách thức quan tâm và phương pháp giáo dục thích hợp và hiệu quả: “nếu biết cách giáo dục, dù là một con người bình thường nhất cũng có thể trở thành người xuất chúng.”

Thân nhân là những người luôn yêu thương, nhẫn nại, đầy lòng tin, kiên trì cảm hoá và hướng dẫn ỨNG SINH đi trên đường ĐẠO HẠNH, kính mến Thiên Chúa.

Gìn giữ ơn gọi: Thân nhân và gia đình cũng là những vòng tay rắn chắc bảo vệ cho hạt giống ơn gọi khỏi bị những cám dỗ của ma quỷ và thế gian. Quả thật “không nơi đâu bằng nhà của mình”, vốn là môi trường an toàn giúp ỨNG SINH tránh được những ảnh hưởng tiêu cực của thời đại, của văn hóa hưởng thụ và những sai lệch về phong cách sống; lại hậu thuẫn và khích lệ ỨNG SINH hăng say làm việc, học tập và tu luyện tốt, vượt lên những khủng hoảng và cám dỗ, để trung thành với ơn gọi đã chọn.

I.1b. Tác động tiêu cực lên ỨNG SINH TIỀN CHỦNG VIỆN

Với những gia đình quá giàu có về vật chất, ỨNG SINH sẽ được dung dưỡng, nuông chiều hoặc sẽ bị cản trở bởi sự luyến tiếc của cải, khó chấp nhận sự khổ chế khi theo đuổi ơn gọi, hoặc ngược lại muốn con cái kế nghiệp gia sản nên cản trở không cho con đi tu (thánh Phanxicô khó khăn bị cha mẹ cản trở vẫn cương quyết theo Chúa đến cùng).

Với những gia đình quá nghèo về vật chất, ỨNG SINH dễ bị cám dỗ bởi đời sống khá giả của linh mục, coi đó là lý tưởng phấn đấu.

Với những gia đình trực trặc về đời sống, bố mẹ ỨNG SINH thường xuyên bất hòa, hay xung đột với làng xóm hoặc ly thân, ly dị sẽ ảnh hưởng tiêu cực cách trực tiếp đến ơn gọi của ỨNG SINH.

Bên cạnh đó cũng có khi gia đình vì thích danh dự, thích được người ta xưng tụng chào hỏi trong cộng đoàn, để rồi thúc giục hay tìm cách ép buộc con đi tu.

Bảo vệ quá kỹ càng, không cho phép tiếp xúc với người nữ, khiến ỨNG SINH có những cái nhìn lệch lạc về phẩm giá, vai trò của người phụ nữ.

Quý trọng cách thái quá, khiến cho ỨNG SINH trở nên tự cao, tự đại, sớm trở thành “ông cụ non” ... nghĩ rằng mọi người phải tôn trọng mình ảnh hưởng tới lý tưởng linh mục.

Giáo dục cách thiếu quân bình trong cách ỨNG XỬ, không thống nhất trong phương hướng giáo dục, ngôn hành bất nhất gây gương xấu cho ỨNG SINH.

Hay kể chuyện về những khuyết điểm, tật xấu, bê bối... của linh mục khiến cho ứng sinh có cái nhìn tiêu cực về đời sống linh mục.

Việc gia đình sống không đoàn kết yêu thương cũng làm cho ứng sinh cảm thấy khó xử, không yên tâm tiến lên trên con đường tu trì.

Đời sống khô khan, nguội lạnh trong việc cầu nguyện của cha mẹ và người thân cũng ảnh hưởng nhiều đến lý tưởng linh mục của ứng sinh.

Can thiệp quá sâu vào đời sống riêng tư của ứng sinh, khiến ứng sinh mất tự do, mất khả năng tự chủ, do đó không thể trưởng thành.

1.2. Trong thời gian học tại Đại chủng viện

1.2a. Những tác động tích cực

Cầu nguyện hằng ngày cho con em đang theo học tại Đại chủng viện là bổn phận trước nhất và thiết yếu của gia đình trong việc nuôi dưỡng ơn gọi.

Luôn đồng hành, ủng hộ, khích lệ ơn gọi của con, bằng việc thỉnh thoảng gửi thư động viên, thông báo về gia đình, người thân... nhờ đó ứng sinh sống xa gia đình được an tâm hơn và chuyên chú việc học hành và tu tập.

Lắng nghe và đồng cảm mỗi khi con trình bày, than thở những khó khăn trong đời tu; ân cần phân tích, động viên khích lệ và đề nghị giải pháp tốt nhất. Sẵn sàng ủng hộ và cung cấp kinh tế giúp con có đủ phương tiện học tập.

Thanh danh tốt của gia đình mang lại cảm giác an tâm cho con đang tu học tại Đại chủng viện. Bởi thế, gia đình nỗ lực sống đức tin, nhân bản, bí tích, luân lý, cũng như các mối quan hệ khác (làm ăn kinh tế, quan hệ họ hàng, hàng xóm láng giềng, cha xứ...) sẽ là cách thể hữu ích gián tiếp đóng góp vào việc nuôi dưỡng ơn gọi của con.

Giúp con ý thức đến giai đoạn này nên dứt khoát chọn lựa đời sống ơn gọi, nhưng không vì thế mà tạo áp lực, khiến con thêm căng thẳng, chán nản và buông xuôi. Trái lại, tôn trọng quyết định của con.

Ngoài việc lưu tâm, chỉ bảo con sống sao cho xứng đáng với đời tu, cha mẹ còn sẵn sàng phê bình, sửa dạy con những gì không xứng hợp như: lời nói, cách đi đứng hay các mối quan hệ không cần thiết...

Người cha là tấm gương tốt, khích lệ và gìn giữ chủng sinh khỏi những lúc yếu lòng, bi quan, thiếu nghị lực, trái lại biết can trường chịu đựng, vượt lên khó khăn thử thách.

Mẹ và các chị em trong gia đình có một vai trò tích cực trong đời sống ơn gọi của chủng sinh: luôn đồng hành, dịu dàng chăm sóc, yêu thương, cầu nguyện, nâng đỡ, canh phòng và bảo vệ nhưng đầy khôn ngoan và kính trọng.

Tuy có sự cách biệt giữa các thế hệ, gia đình luôn gắn bó với nhau sẽ đóng vai trò trợ lực quan trọng giúp cho ứng sinh ngày một trưởng thành hơn: sự mạnh mẽ cương nghị của cha, sự dịu dàng và nhân hậu của mẹ nâng cao căn tính nhân vị của ứng sinh.

1.2b. Những tác động tiêu cực

Có những gia đình nhìn ngoại giới nhiều hơn là nội giới, mong con mình sau này làm linh mục thì bản thân cha mẹ cũng được vinh dự trước mặt người đời, nên ép buộc con phải theo đuổi ơn gọi cho bằng được.

Tuy con mới vào chủng viện bắt đầu nghiêm túc phân định ơn gọi, niềm hy vọng và ngưỡng mộ của cha mẹ ở nhà quá lớn, lại được mọi người chúc tụng, tán dương... khiến sự thúc bách càng ngày càng đè nặng lên ứng sinh.

Áp lực gia tộc: trong gia tộc mình nhà nào cũng có con làm linh mục, nên gia đình mình cũng phải có, không có thì xấu hổ với họ hàng.

Áp lực quê hương làng xóm: con đi tu mà trở về thì bố mẹ sợ xấu hổ với làng xóm, bị làng xóm chê cười không biết dạy con, để con ăn hết cơm gạo nhà Chúa.

Nhiều gia đình cho rằng một khi con bước chân vào Đại Chủng Viện là đương nhiên nhà mình sẽ có linh mục, khiến chủng sinh dù muốn chuyển hướng ơn gọi nhưng không dám vì sợ gia đình, thân nhân thất vọng, đành phải gượng ép tiếp tục đi tới.

Một số gia đình có quan niệm một người làm quan cả họ được nhờ, ngay cả trong lãnh vực kinh tế.

I.3. Những việc nên làm và điều nên tránh

I.3a. Những việc nên làm

Về phía thân nhân và gia đình

Phải tạo cho ứng sinh có một đời sống lành mạnh, lương tâm trong sạch, lý trí và ý chí sắt đá, tự tin vượt mọi gian nan thử thách của chính mình và của ngoại cảnh.

Làm gương sáng trong cách ăn nết ở và lời nói sao cho ứng sinh cảm thấy được nâng đỡ, tránh những thái độ, lời ăn tiếng nói làm tổn thương, ghi sâu vào tiềm thức của ứng sinh.

Cố gắng thấu hiểu tâm hồn và tính cách hay cá tính của ứng sinh để có những phương pháp đào tạo thích hợp sao cho ứng sinh được trưởng thành toàn diện về nhân bản, thiêng liêng, tri thức hướng tới tương quan tốt với tha nhân.

Tạo cho ứng sinh tinh thần biết khát khao học hỏi, năng lực sáng tạo, năng lực lãnh đạo, tinh thần trách nhiệm, tự tin, nhiệt tình, hài hước, quan tâm đến người khác, năng động, trưởng thành, tính chủ động...

Giáo dục cho ứng sinh biết những nhọc nhằn của cha, những gian nan vất vả của mẹ đã, đang và vẫn diễn ra mỗi ngày suốt dọc dài năm tháng, để con hiểu được giá trị mà thương cha mẹ hầu cố gắng nên thân với đời:

“Nuôi con buôn bán tảo tần
Chỉ mong con lớn nên thân với đời
Những khi trái nắng trở trời
Con đau là mẹ đứng ngồi không yên
Trọn đời vất vả triền miên
Chạy lo bát gạo đồng tiền nuôi con”

Về phía ứng sinh

Luôn ý thức tấm lòng cha mẹ dành cho mình: “Biển Đông có lúc vui lúc đầy, chứ lòng cha mẹ suốt đời tràn dầy” hầu ghi khắc và tri ân công ơn sinh thành dưỡng dục trời bể của các ngài.

Ý thức và lòng tri ân đó đòi hỏi ứng sinh phải là người sống có hiếu hơn bất cứ ai trong gia đình. Chữ hiếu này không chỉ thể hiện trên môi miệng, mà cần phải được cụ thể hóa trong đời sống tu trì.

Phải luôn hăng say học hành tri thức, tu luyện đạo đức để không phụ công ơn và lòng hy vọng của cha mẹ; đồng thời không ngừng nhớ đến cha mẹ trong lời kinh tiếng hát và những việc đạo đức hằng ngày.

I.3b. Những điều nên tránh

Về phía thân nhân và gia đình

Cần tránh cách thức giáo dục lệch lạc về giới tính và cái nhìn về người phụ nữ và đức khiết tịnh.

Không nuông chiều cách thái quá, khiến cho ứng sinh lầm tưởng mình là người quan trọng, ai cũng phải kính trọng, hầu hạ.

Tránh nghi ngại thái quá về sự trưởng thành của ứng sinh, lúc nào cũng kè kè bên cạnh, hoặc cho người theo dõi.

Không nên quá đề cao ứng sinh, một tiếng “thầy” hai tiếng “thầy” khiến ứng sinh dần quên đi vị thế hiện tại của mình, dễ sinh lòng kiêu ngạo.

Tránh thái độ đối xử “cơm bưng nước rót”, không cho ứng sinh làm gì cả, dẫn đến việc ứng sinh không biết làm gì, ỷ lại, không thể tự lập.

Không thần thánh hóa linh mục, khiến ứng sinh có cái nhìn quá lý tưởng về đời sống linh mục mà quên đi thân phận con người yếu hèn của mình.

Không nên khen ngợi quá mức những khám phá, thành tích khiến ứng sinh lầm tưởng về khả năng hiểu biết, hay kiến thức của mình dẫn đến thái độ tự cao, tự đại.

Không nên nói hay có cử chỉ thiếu lành mạnh, thiên lệch về đời sống linh mục như được nhiều người quý trọng, giàu có ... để gây ảnh hưởng xấu đến ứng sinh.

Về phía ứng sinh

Không được khinh thường sự chăm sóc và lo lắng của gia đình dành cho mình, nhưng cũng đừng để áp lực gia đình quá đè nặng lên ơn gọi của mình, khiến cho việc tự do dâng hiến trở thành miễn cưỡng, gượng ép.

Không nên nương tựa hay đòi hỏi gia đình quá mức về đời sống vật chất, mà cố gắng sống tiết kiệm và giản dị trong chi tiêu, tránh những chi tiêu không cần thiết.

Không nên đem những vấn đề khó khăn nơi chủng viện mà bày tỏ với gia đình, để tránh sự hiểu lầm không cần thiết của gia đình về chủng viện và đời sống tu trì.

Không nên quá lo lắng cho gia đình đến mức ảnh hưởng việc tu học nơi chủng viện. Khi biết được những khó khăn mà gia đình đang gặp phải thì cố gắng giúp đỡ bằng lời cầu nguyện và bằng những cách thức hợp khả năng, nhưng không vì lo lắng mà quên ăn, mất ngủ, bỏ học hành....

Những ý tưởng trình bày trên đây bao gồm những đúc kết chủ quan mang tính hồi tưởng về những điểm tích cực và tiêu cực của gia đình, bà con với ơn gọi của các ứng sinh linh mục và một vài kiến nghị để góp phần đào tạo và tự đào tạo ơn gọi linh mục, không phải là những nguyên tắc phải theo, càng không phải là giải pháp tối ưu dành cho hết mọi người, mọi gia đình. Có chăng chỉ là một thực tế rằng gia đình là nơi ơn gọi được sinh ra và nuôi dưỡng, nhất là giai đoạn tiền chủng viện và chủng viện.

Xin được mượn lời của Công Đồng Vaticanô II trong sắc lệnh về đào tạo linh mục: “Toàn thể cộng đoàn kitô hữu có bổn phận cố võ ơn thiên triệu, mà trước hết phải tiến hành nghĩa vụ ấy bằng một đời sống kitô hữu trọn vẹn; các gia đình và các giáo xứ góp phần quan trọng vào việc đó; những gia đình sống tinh thần đức tin, đức mến và đạo hạnh trở nên như chủng viện sơ khởi.”[445]

Chú thích

[443] Mc 14,38.

[444] x. MP. Trần Minh Huy, Đào tạo và Tự đào tạo thiêng liêng của các linh mục tương lai trong bối cảnh Việt Nam ngày nay, tr.168-187.

[445] Optatam totius số 2.

[VỀ MỤC LỤC](#)

XẢ STRESS

Tiền nhân ta vẫn nói: “Đời là bể khổ”.

Khổ là hoàn cảnh trong đó con người chịu nhiều khó khăn thiếu thốn về vật chất hoặc bị giày vò bất an về tinh thần. Như vậy thì “Khổ” cũng là một trong những cái stress mà con người phải sống với. Nếu stress cứ liên tục tái diễn hoặc kéo dài sẽ đưa tới nhiều ảnh hưởng bất lợi cho sức khỏe.

Sống không có stress là điều khó có thể thực hiện được, nhất là trong hoàn cảnh xã hội có nhiều biến đổi, kinh tế khó khăn, đạo đức xuống dốc như hiện nay. Làm sao để đối phó với stress mới là điều cần thiết. Mỗi người có những phương cách riêng để giải quyết khó khăn của mình.

Sau đây là một vài gợi ý:

1- Tìm hiểu nguồn gốc của stress. Có thể là do gặp gheh trong giao tế nhân sự, khó khăn trong công việc làm ăn, thất thoát tài chánh, suy yếu sức khỏe, gia đạo bất an...Biết để tìm cách xả stress.

2- Sắp đặt lại công việc hàng ngày, theo thứ tự ưu tiên, quan trọng.

3- Đặt giới hạn cho các tham gia, cam kết với các sinh hoạt trong đời sống, tránh ôm đồm quá sức. Đùng cố quá để rồi thành “quá cố”.

4- Đừng coi thường sức khỏe, lắng nghe tiếng cầu cứu của một cơ thể bị lạm dụng lao động quá mức.

5- Cân bằng đời sống, chia thì giờ cho việc làm, ăn uống, ngủ nghỉ.

6- Năng vận động cơ thể. Đang căng thẳng mà làm mười phút đi bộ, bơi lội, hít thở thì stress cũng giảm cường độ khá nhiều.

7- Dành thì giờ để giải trí với gia đình bạn bè.

8- Áp dụng các phương pháp đối phó với stress như thư giãn thiền định, hít thở sâu, thoa bóp; tạm rời công việc để “xả xú báp” và “tái nạp bình điện”;

9- Tâm sự chia sẻ khó khăn của mình với người đáng tin cậy để nhờ góp ý.

10- Duy trì một tâm trạng hài hước. Cười là 10 thang thuốc bổ.

11- Đề cao cảnh giác, nhận diện và chú ý tới các dấu hiệu báo động sự xuất hiện của stress và sẵn sàng giải quyết.

12- Ghi nhớ các hoàn cảnh stress xảy ra, ở đâu, vào thời điểm nào, tại sao xảy ra. Biết để tránh.

13- Tránh những stress nào có thể tránh được.

14- Giải quyết stress với các khả năng hiện có. Với những stress bướng bỉnh, không giải quyết được thì để một bên, giải quyết sau.

Xin ghi nhớ là những cảm giác không vui như sợ hãi, lo âu, giận dữ, bực tức phát xuất từ phản ứng của ta mà ra chứ không phải từ stress. Nếu ta kiểm soát được các phản ứng này là ta đã tạo được một tâm trạng bình an, thoải mái trong đời sống.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

CHÚC MỪNG CHA SỞ FX. ĐINH TRỌNG TỰ NHÂN DỊP 45 NĂM LINH MỤC (14/5/1968 - 14/5-2013)

Nhà thờ truyền giáo Rạch Súc, giáo phận Cần Thơ

Trọng kính cha sở kính mến của chúng con.

Trước hết, anh chị em chúng con xin hân hoan chúng mừng 45 năm Linh mục của cha!

Mỗi độ tiết trời sắp vào hạ, trăm hoa đua nở, cũng là thời gian Chúa thương ban cho mọi người chúng con quy tụ hành hương về bên Mẹ, mừng kính Mẹ, bởi Mẹ là cánh hoa tuyệt mỹ nhất trong vườn hoa ngát hương muôn sắc của Thiên Chúa.

Trong bầu khí linh thiêng của của đêm hành hương 13/5 hôm nay, cũng lại là dịp kỷ niệm 45 năm hồng ân linh mục của cha, một người cha kính yêu và rất mực từ nhân của chúng con, chúng con xin hết lòng cảm tạ ơn Chúa và xin chúc mừng cha.

Chúa đã gọi Cha đi tu 1 cách nhiệm màu. Cụ cố thân mẫu của cha đã mất đi khi cha chỉ vừa tròn 4 tháng. Rồi cụ cố thân sinh của cha cũng mất khi cha được 8 tháng. Cậu bé Phanxico không biết mặt cha mẹ, được người bà con bồng ẵm, đi xin bú nhờ hàng xóm để sống qua ngày. Khi được 10 tuổi, cậu Phanxico đang mò cua bắt ốc ngoài ruộng, được Chúa đoái thương nhìn đến. Cha sờ cho gọi về bảo đi vô nhà dòng, Cậu vui vẻ đáp lời, rồi từ bỏ giỏ cua, giỏ ốc, mặc 1 bộ quần áo chùng trắng và con đường đi tu đã bắt đầu từ đó.

(Từ đó, vâng từ đó, Chúa đã gọi con...)

Ngày 14-5 - 1968 thầy Phanxico Xavier Đinh Trọng Tự được Chúa thương ban cho hồng ân linh mục, rồi về làm giáo sư chủng viện vài năm. Sau đó làm hiệu trưởng trường trung học Đồng Tiến Cần thơ và làm Giám Đốc Trung Tâm Mục Vụ của giáo phận cho đến năm 1975.

Sau đó cuộc đời của cha đã đi trong 18 năm những tháng ngày đen tối nhất. Cha sống cuộc đời vất vả và thiếu thốn, sức khỏe ngày càng yếu dần, thời gian này cha đã phải cắt đi 2/3 dạ dày.

Đến năm 1994 được phép trở về và coi sóc họ đạo chúng con. Một họ đạo truyền giáo hoang sơ nghèo khổ. Và cũng từ đó, chỉ bằng lời cầu nguyện và những cái bong bóng, cha đã làm cho nhiều người biết Chúa và họ đạo của chúng con bắt đầu thay da đổi thịt. Cũng từ đó số giáo dân ngày càng tăng.

Đến nay là đúng gần 20 năm, một chặng đường dài gần ¼ thế kỷ, Cha đã ở với chúng con gần như cả cuộc đời cha. Cha sống với chúng con, cầu nguyện cho chúng con, hướng dẫn và dạy dỗ chúng con. Nhờ bàn tay của cha mà hồng ân Thiên Chúa đã tuôn đổ xuống cho họ đạo chúng con muôn vàn ơn lành.

Cha đã xây dựng 2 giáo điểm truyền giáo thành 2 giáo xứ có nhà thờ, có tháp chuông, có đài Đức Mẹ, và cả nhà xứ cho 1 họ đạo, nhà các nữ tu cũng rất khang trang. Hiện nay cha đang chuẩn bị có 1 giáo điểm tại Cả Lan xa xôi nữa.

Cha đã xây nhà cho Chúa, cha đã mua đất cho Chúa, cha đã trao tặng tình thương cho con cái Chúa, giúp vô điện, vào nước, làm đường đi, xây nhà tình thương, làm cầu bắc qua sông, làm nhà vệ sinh, cho học bổng, tạo điều kiện cho chúng con học hành, Cha muốn cho mọi người được biết Chúa, được sung túc, được hạnh phúc, được đầy đủ... Cha đã mở phòng phát thuốc khám bệnh miễn phí, cho chúng con đi tham quan nhiều nơi, đặc biệt cha luôn thao thức khắc khoải muốn cho chúng con sống tốt hơn, yêu Chúa và yêu nhau nhiều hơn. Vì thế cha luôn cầu nguyện cho chúng con đêm ngày... Dù tuổi cao sức yếu, nhưng cha vẫn không ngại vất vả sớm khuya, ăn tranh thủ, ngủ khấn trượng, làm việc ngoài đường và đi karaoke xin nhờ người về giúp đỡ cho chúng con. Sáng sớm cha đi, ngủ ngồi trên xe, đêm tối cha về, ăn vội trái chuối, rồi chợp mắt, để rồi sáng mai có ai cần giúp đỡ là cha lại đi ngay. Vì thế người ta mới gọi cha là siêu, không phải là siêu nhân người sắt, nhưng là siêu mỏng. Nhưng đối với chúng con, cha là siêu tận tụy, siêu phục vụ, siêu khiêm nhường, siêu đạo đức, siêu thánh thiện và siêu hiền lành bác ái. Nhờ vào phước đức và sự tận tình hy sinh giúp đỡ của cha, chúng con mới có được cuộc sống như ngày hôm nay, và con em chúng con có rất nhiều người đã được học hành thành tài, nhờ vào sự giúp đỡ của cha. Thật hạnh phúc biết bao khi chúng con luôn được ở trong trái tim cha.



Với cha, tất cả là cho Chúa và cho chúng con, còn riêng đời sống cha, cha suốt ngày chỉ mặc duy nhất một bộ đồ pijama cũ kỹ, ai cho gì cũng không lấy, không muốn mặc đồ mới. Ăn cơm chỉ 1 chén duy nhất, vì bao tử còn đau nữa mà ăn. Không cao lương mỹ vị, không mâm cao cỗ đầy, chỉ chén cơm trắng và chút thức ăn của ngày hôm qua hâm nóng lại. Sáng nào cha cũng thức dậy thật sớm, thấp nhang các tượng Đài Đức Mẹ, Thánh Giuse, Cha Diệp, rồi vào nhà thờ quỳ gối giang tay đọc kinh cầu nguyện thật sốt sắng cho các linh hồn và cho chúng con. Cha nói cha thích làm ôsin cho Đức Mẹ mỗi ngày. Hạnh phúc biết bao được làm con của cha và sống trong lời cầu nguyện của cha đêm ngày.

Riêng nhà cửa của cha, dù cha xây cho chúng con biết bao ngôi nhà, nhưng giờ đây nhà xứ của cha là nhỏ bé nhất họ đạo. Đi khắp thế gian không ai có thể kiếm được ngôi nhà xứ nào cũ kỹ chật hẹp nhỏ bé như phòng của cha. Một căn phòng bằng gỗ đơn sơ mộc nát, chẳng có gì ngoài chiếc giường bé nhỏ, chuỗi mân khôi và cuốn sách kinh trên bàn. Phòng không máy lạnh, không tủ lạnh, không quạt máy, không máy giặt, không toilet, không tiện nghi, không chăn êm nệm ấm, phòng nhỏ bé bằng tôn cũ kỹ, nóng bức... Cuộc sống của cha là như vậy đó. Làm sao chúng con có thể lại không đau lòng với hoàn cảnh sống của cha.

Tất cả thời gian, tất cả tiền bạc, tất cả sức lực... cha dành hết cho Chúa và cho chúng con. Có đồng nào cha cũng không dám ăn, không dám mặc, cha tiết kiệm từng đồng xu để dành cho chúng con. Cha hao mòn đi mỗi ngày vì chúng con. Chúng con thật xúc động và ghi ơn công đức của cha.

Ai đến xưng tội cha cũng sẵn sàng ngồi tòa bất cứ lúc nào, dù là lúc đang lu bu hay nghỉ trưa, cha mặc áo dòng vào, ra nhà thờ ngồi tòa giải tội. Cha tôn trọng họ đến thế là cùng. Ai có oan trái bất đồng đến cha hòa giải, nói chuyện với cha một lúc sẽ cảm thấy lòng mình nhẹ nhàng thanh thoát, bao ân oán thù ghét ghen nặng nề như tan biến hết. Vì thế cho nên có biết bao người gần xa thích về bên cha để nghe cha dạy dỗ khuyên răn và chỉ dẫn. Thật bình an thư thái khi được ngồi nói chuyện với cha.

Riêng với bề trên, cha hết lòng vâng phục và kính trọng. Đối với anh em linh mục, cha luôn xây dựng đoàn kết và hòa giải. Khi có ai yếu đuối lỗi lầm cha hết lòng cảm thông thương yêu nâng đỡ. Lời cầu nguyện của cha thật hữu hiệu cho những người đang gặp khó khăn. Không bao giờ và không ai có thể nghe được cha nói xấu về bất cứ ai một điều nào. Cái gì cũng tốt, tốt, rất tốt, tốt hết. Cha thật tốt lành.

Kính thưa cha, trong dịp lễ 45 năm mừng Hồng Ân Thánh Chức Linh mục của cha, chắc chắn rằng cha có nhiều lý do để cảm tạ Thiên Chúa, xin cho chúng con được hiệp ý tạ ơn với Cha. Và chúng con cũng có lý do để cảm tạ Thiên Chúa nữa:

- Cảm tạ Thiên Chúa đã thương ban cho chúng con một linh mục thật thánh thiện, đạo đức
- Cảm tạ Thiên Chúa đã thương ban cho chúng con một linh mục giàu lòng thương xót tất cả mọi người, nhất là những ai neo đơn nghèo khổ.
- Cảm tạ Thiên Chúa đã thương ban cho chúng con một linh mục sống khắc khổ, hy sinh sống nghèo nàn đến quên mình vì mọi người.

Cũng ngày này vào năm qua, tại nơi thánh đường này, Đức Giám Mục giáo phận chủ sự thánh lễ đồng tế và trong bài giảng, ngài đã ca tụng Cha là Đức Gio an Phao lô III. Và tước hiệu của Vị Giáo Hoàng Gioan Phao lô 3 này là "Totus Tuus" Tất cả những gì của con đều là của mẹ.

Cha đã nói là cha xin chọn Mẹ là Mẹ của cha. Cha đi đâu cũng đến trước tòa Mẹ và nói thưa Mẹ con đi, khi về cha cũng nói: chào Mẹ con mới về.

Kính thưa cha, dù có nói hoài, nói mãi cũng không hết được những hy sinh và nhân đức tốt lành của cha, Nhưng chúng con biết cha rất ghét những lời ca tụng cha, cha không muốn ai nói đến thành tích của Cha. Cha thường nói: tôi chỉ là ông già hai lúa siêu mỏng, chẳng làm được thành tích gì, mà có làm được gì cũng chính là Chúa và Mẹ Maria, thánh Cả Giuse làm trong tôi.

Hôm nay mừng lễ cha, là một cơ hội để chúng con nhìn lại. Thời gian đã 20 năm trôi qua chúng con được sống gần Cha, được cha chở che và yêu thương hướng dẫn dạy dỗ đi lên. Cha tốt lành là như thế đó, còn chúng con đã biết bao lần quên công ơn của cha, đã biết bao lần chúng con vô ơn bạc nghĩa với cha; chúng con đã lười biếng, thờ ơ lãnh đạm, chúng con sống bất hòa, sống hận thù, sống chia rẽ, chúng con kiêu căng, muốn làm nổi, muốn cái tôi của mình to lên, muốn thống trị người khác, chúng con đã không làm đúng những gì cha chỉ dạy. Chắc hẳn làm cha rất xót xa và đau lòng. Thì hôm nay đây, đứng trước cha, chúng con cúi đầu xin cha rộng lượng tha thứ và đừng bỏ rơi chúng con. Bởi vì ngoài cha, chúng con không biết trông cậy vào ai.

Từ đây, chúng con xin hứa, sẽ sống tốt hơn, sẽ nghe lời cha dạy, bằng cách tin kính mến Chúa nhiều hơn và yêu thương đoàn kết với nhau hơn, để cha bớt buồn, bớt khổ, để cha an tâm vui vẻ mà ăn thêm miếng cơm lấy sức và cho con đỡ nghẹn lòng.

Cuối cùng, chúng con xin kính chúc cha nhiều ơn Chúa, ơn Mẹ. Cha luôn mạnh khỏe, tràn đầy ân sủng và bình an, để tiếp tục dẫn thân trên con đường truyền giáo phục vụ Chúa và ở mãi với chúng con.

Toàn thể họ đạo chúng con xin cúi đầu cảm tạ và tri ân cha.

Chúng con xin kính dâng lên cha bó hoa tươi thể hiện tấm lòng của chúng con. Xin cha vui nhận.

Ánh Minh Đăng

[VỀ MỤC LỤC](#)

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA